

DỰ THẢO

HỢP ĐỒNG SỬ DỤNG/DUY TRÌ CÔNG NGHỆ VÀ
CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG
NHÃN HIỆU “BIA HƠI HÀ NỘI”

giữa

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU -
NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI (HABECO)

và

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - HẢI PHÒNG
(HNP)

Số: 02 - HĐ / HABECO - HNP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

BẢNG THAM CHIẾU CÁC ĐIỀU KHOẢN

MỤC LỤC	Trang
BÊN CHUYỂN GIAO	
BÊN ĐƯỢC CHUYỂN GIAO	
CÁC ĐỊNH NGHĨA	
ĐIỀU 1. SỬ DỤNG/DUY TRÌ CÔNG NGHỆ	
ĐIỀU 2. TIÊU CHUẨN, CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM	
ĐIỀU 3. PHƯƠNG THỨC SỬ DỤNG/DUY TRÌ CÔNG NGHỆ	
ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A	
ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B	
ĐIỀU 6. CHO PHÉP SỬ DỤNG NHÃN HIỆU “BIA HƠI HÀ NỘI”	
ĐIỀU 7. DANH MỤC SẢN PHẨM VÀ LÃNH THỔ	
ĐIỀU 8. CUNG CẤP MEN BIA VÀ CÁC NGUYÊN LIỆU CẦN THIẾT KHÁC	
ĐIỀU 9. SẢN XUẤT VÀ SẢN PHẨM	
ĐIỀU 10. SẢN PHẨM KÉM CHẤT LƯỢNG	
ĐIỀU 11. TIẾP THỊ SẢN PHẨM	
ĐIỀU 12. CÁC KẾ HOẠCH TIẾP THỊ VÀ QUẢNG CÁO	
ĐIỀU 13. TIỀN PHÍ SỬ DỤNG/DUY TRÌ CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU	
ĐIỀU 14. BẢO MẬT	
ĐIỀU 15. BẢO LƯU CÁC QUYỀN CỦA BÊN A	
ĐIỀU 16. TUÂN THỦ	
ĐIỀU 17. TRÁCH NHIỆM	
ĐIỀU 18. BẤT KHẢ KHÁNG	
ĐIỀU 19. HIỆU LỰC VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG	
ĐIỀU 20. CHẤM DỨT	
ĐIỀU 21. CÁC HỆ QUẢ CỦA VIỆC CHẤM DỨT	
ĐIỀU 22. THÔNG BÁO	
ĐIỀU 23. CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ	
ĐIỀU 24. NGÔN NGỮ, LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP	
ĐIỀU 25. HIỆU LỰC CỦA CÁC ĐIỀU KHOẢN	
ĐIỀU 26. THỎA THUẬN TOÀN BỘ VÀ SỬA ĐỔI	
ĐIỀU 27. ĐIỀU KHOẢN KÝ KẾT	
PHỤ LỤC 01. QUY ĐỊNH SỬ DỤNG NGUYÊN LIỆU CHO SẢN XUẤT BIA HƠI HÀ NỘI	
PHỤ LỤC 02. QUY ĐỊNH PHẠM VI LÃNH THỔ	
PHỤ LỤC 03. QUY ĐỊNH HÀNH VI VI PHẠM VÀ CHẾ TÀI XỬ LÝ VI PHẠM	

HỢP ĐỒNG SỬ DỤNG/DUY TRÌ CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU “BIA HƠI HÀ NỘI”

Căn cứ:

- Bộ luật Dân sự năm 2015 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2005, có hiệu lực từ ngày 01/01/2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 cùng với các sửa đổi, bổ sung và văn bản hướng dẫn thi hành.

Và xét thấy rằng:

1. Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội, với truyền thống trên một trăm năm kinh nghiệm, là một trong các nhà sản xuất và phân phối bia hàng đầu tại Việt Nam với các sản phẩm có uy tín rộng rãi trên thị trường, đặc biệt là sản phẩm bia mang nhãn hiệu "Bia Hơi Hà Nội". Tổng công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội hiện là chủ sở hữu độc quyền công nghệ sản xuất sản phẩm "Bia Hơi Hà Nội" tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam, có trụ sở chính tại số 16 đường Lạch Tray, Phường Lê Chân, Thành phố Hải Phòng. Công ty có mong muốn được sử dụng/duy trì công nghệ và tiếp nhận quyền sử dụng nhãn hiệu "Bia Hơi Hà Nội" để phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm mang nhãn hiệu này. Công ty Cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng cam kết có đầy đủ năng lực và điều kiện để tiếp nhận, vận hành, duy trì công nghệ cũng như thực hiện quyền sử dụng nhãn hiệu để sản xuất và phân phối sản phẩm mang nhãn hiệu "Bia Hơi Hà Nội".
3. Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội và Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Hải Phòng cùng có mong muốn hợp tác với nhau vì lợi ích của cả hai bên. Hợp đồng sử dụng/duy trì Công nghệ và chuyển Quyền sử dụng nhãn hiệu “Bia Hơi Hà Nội” này (dưới đây gọi tắt là Hợp đồng) được lập giữa:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Trụ sở : Số 183 Hoàng Hoa Thám, phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 02438453843

Fax: 0243 8471798

Mã số thuế : 0101376672

Đại diện : Ông **Trần Thuận An**

Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 128/GUQ- HABECO ngày 17/5/2021 của Tổng Giám đốc)

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - HẢI PHÒNG

Trụ sở : Số 16 đường Lạch Tray, Phường Lê Chân, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại : 0225.364.0681 Fax : 0225.384.5157
Mã số thuế : 0200153370
Đại diện : Ông **Trần Văn Trung**
Chức vụ : Giám đốc

Hai bên đồng ý ký kết Hợp đồng với các điều kiện và các điều khoản sau :

CÁC ĐỊNH NGHĨA

Khi được sử dụng trong Hợp đồng này, các thuật ngữ sau đây sẽ được hiểu như sau:

“Nhãn hiệu”	Nhãn hiệu “ Bia Hơi Hà Nội ” được bảo hộ theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 55881 thuộc sở hữu của Bên A, được chuyển giao cho Bên B sử dụng có thời hạn và được mô tả tại Hợp đồng.
“Sản phẩm”	Là sản phẩm Bia hơi Hà Nội do Bên B sản xuất theo công nghệ của Bên A.
“Công nghệ”	Là công nghệ sản xuất bia của Bên A được sử dụng để sản xuất ra sản phẩm.
“Men bia Hà Nội”	Là men do Bên A cung cấp để sản xuất bia theo Hợp đồng
“Thông tin công nghệ”	Là toàn bộ các thông tin cần thiết để ứng dụng và sử dụng công nghệ và bao gồm các chỉ dẫn, tính toán, đặc điểm, thông số chế tạo, bản vẽ, các bản in, ảnh, bản đồ và các thông tin cần thiết khác.
“Tài liệu”	Bao gồm các tài liệu, tư liệu được ghi nhận trong khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng.
“Hỗ trợ kỹ thuật”	Là sự giúp đỡ cần thiết để đảm bảo sản phẩm thoả mãn các chỉ tiêu kỹ thuật hoặc/và để loại bỏ các khó khăn, thiếu sót trong việc áp dụng công nghệ.
“Kỹ thuật viên”	Là các nhà quản lý, chuyên gia, cố vấn do Bên A gửi tới Bên B với mục đích cung cấp sự trợ giúp kỹ thuật.
“Các quy chế về Nhãn hiệu”	Là các Sổ tay thương hiệu Sản phẩm và các quy định khác về Nhãn hiệu/Thương hiệu do HABECO đã hoặc sẽ ban hành sau này.
“Vật phẩm và nội dung quảng cáo”	Bao gồm nhưng không giới hạn bởi: các vật phẩm phân phát tại nơi bán hàng cũng như tại các địa điểm khác như : cốc, miếng lót cốc, biển hiệu, các chương trình quảng cáo trên TV, rạp chiếu phim, đài phát thanh, báo in (nhật báo, tuần báo, tạp chí) và biển hiệu ngoài trời (áp phích, đèn nê ông, bảng quảng cáo ...).
“Lãnh thổ”	Nghĩa là một phần lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là khu vực mà Bên B có quyền sử dụng công nghệ để sản xuất

sản phẩm và sử dụng nhãn hiệu Bia Hơi Hà Nội.

“Vi phạm nghiêm trọng”

Nghĩa là việc không thực hiện đúng nghĩa vụ của một bên đến mức làm cho bên kia không đạt được mục đích của việc giao kết Hợp đồng.

“Thị trường hàng miễn thuế”

Là nơi mà các hoạt động thương mại không phải chịu thuế trong Lãnh thổ, nhưng không chỉ giới hạn ở việc cung cấp cho các cửa hàng miễn thuế, cửa hàng ngoại quan, các cơ quan đại diện ngoại giao, công ty cung ứng tàu thuyền, tàu viễn dương, máy bay, dàn khoan, lực lượng quân sự nước ngoài và các đối tượng tương tự.

CHƯƠNG I

SỬ DỤNG/DUY TRÌ CÔNG NGHỆ

ĐIỀU 1. SỬ DỤNG/DUY TRÌ CÔNG NGHỆ

Bằng Hợp đồng này, Bên A đồng ý và cho phép Bên B được sử dụng/duy trì Công nghệ để sản xuất sản phẩm trong phạm vi Lãnh thổ. Bên B không có quyền chuyển giao quyền sử dụng công nghệ cho (các) bên thứ ba kể cả trong phạm vi Lãnh thổ hay bên ngoài Lãnh thổ.

ĐIỀU 2. TIÊU CHUẨN, CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Sản phẩm mà Bên B sử dụng Công nghệ của Bên A để sản xuất theo Hợp đồng này phải đạt tiêu chuẩn, chất lượng Bia Hơi Hà Nội quy định tại CL.04/KT - Tài liệu trong Hệ thống ISO của Bên A.

ĐIỀU 3. PHƯƠNG THỨC SỬ DỤNG /DUY TRÌ CÔNG NGHỆ

Bên A sẽ cung cấp cho Bên B các tài liệu và hỗ trợ kỹ thuật cần thiết trong quá trình sử dụng/duy trì công nghệ để sản xuất sản phẩm “Bia Hơi Hà Nội”.

3.1. Tài liệu

Bên A sẽ cung cấp cho Bên B các tài liệu chứa đựng công nghệ khi có bất kỳ sự cải tiến, nâng cao, sửa đổi, bổ sung hay những thay đổi khác trong quá trình sử dụng/duy trì công nghệ.

3.2. Hỗ trợ kỹ thuật

3.2.1. Các hỗ trợ kỹ thuật và dịch vụ trong quá trình sản xuất và sau bán hàng:

- (i) Trong khi sản xuất, Bên A sẽ:
 - a) Tiếp tục tư vấn cho Bên B trong việc mua các nguyên liệu và phụ liệu, máy móc, keg, các vật liệu đóng gói và tất cả các vật phẩm khác mà theo ý kiến của Bên A là cần có để sản xuất đúng cách thức sản phẩm;
 - b) Tiếp tục tư vấn cho Bên B trong việc tuyển chọn và đào tạo các nhân viên kỹ thuật mà Bên B có thể cần có để sản xuất sản phẩm;
 - c) Hướng dẫn, giám sát việc kiểm tra, phân tích và báo cáo về chất lượng nguyên liệu và vật liệu đóng gói được Bên B sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm;
 - d) Hướng dẫn, giám sát việc kiểm tra, phân tích và báo cáo về chất lượng sản phẩm do Bên B sản xuất và tư vấn trong trường hợp có bất cứ sự cố khẩn cấp nào làm ảnh hưởng đến đặc tính hoặc chất lượng của sản phẩm trong quá trình sản xuất hoặc đã được sản xuất bởi Bên B;
 - e) Nghiên cứu và tư vấn về các báo cáo của Bên B gửi cho Bên A hàng tháng theo cách thức do Bên A chỉ dẫn;
 - f) Thực hiện các cuộc kiểm tra giám sát kỹ thuật, chất lượng định kỳ hoặc đột xuất đối với nhà xưởng và trang thiết bị của Bên B sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm.

- (ii) Trong quá trình hoạt động, ngoài công nghệ được chuyển giao, Bên B có thể yêu cầu Bên A cung cấp thêm các dịch vụ cho các dự án cụ thể mà cần có sự hỗ trợ đặc biệt và/hoặc nghiên cứu chuyên sâu. Nếu Bên A có khả năng đáp ứng được đề nghị đó, thì các dịch vụ kỹ thuật sẽ được cung cấp bởi Bên A hoặc thông qua một công ty khác thuộc Bên A.

3.2.2. Cung cấp các Chuyên gia kỹ thuật bia:

- (i) Theo yêu cầu của Bên B, Bên A đồng ý cung cấp sự giúp đỡ kỹ thuật trong quá trình thực hiện Hợp đồng bằng cách gửi các kỹ thuật viên thích hợp tới nơi sản xuất, hay bằng bất cứ cách thức nào khác thích hợp với tình hình diễn ra lúc đó.
- (ii) Trong trường hợp, theo ý kiến hợp lý của Bên A, Bên B không có khả năng thực hiện các quy định của Hợp đồng này liên quan đến việc sản xuất và đóng gói sản phẩm nếu không có sự trợ giúp của một trong các chuyên gia của Bên A (sau đây gọi là Chuyên gia kỹ thuật bia), thì Bên A có thể biệt phái Chuyên gia kỹ thuật bia đến Bên B, để tư vấn, hướng dẫn, chỉ dẫn, giám sát việc sản xuất và đóng gói sản phẩm tại Bên B.

Chuyên gia kỹ thuật bia sẽ hoạt động với tư cách là người đại diện của Bên A đối với việc sản xuất và đóng gói sản phẩm của Bên B. Bên B cam kết thuê Chuyên gia kỹ thuật bia làm việc ở cấp bậc quản lý với đầy đủ thẩm quyền để có thể thực hiện thích đáng các nhiệm vụ của Chuyên gia kỹ thuật bia theo Hợp đồng này.

Các điều khoản và điều kiện của việc biệt phái Chuyên gia kỹ thuật bia, nếu có áp dụng, giữa các Bên sẽ dựa trên nguyên tắc là Bên B sẽ trả đầy đủ tiền lương và các khoản chi phí cho Chuyên gia kỹ thuật bia. Trước khi biệt phái Chuyên gia kỹ thuật bia, các bên sẽ thỏa thuận với nhau về Hợp đồng lao động của Chuyên gia kỹ thuật bia ký với Bên B.

3.2.3. Nhân sự thực hiện hỗ trợ kỹ thuật:

Tất cả các kỹ thuật viên mà Bên A cung cấp cho Bên B để giúp đỡ kỹ thuật sẽ có trình độ phù hợp, có kinh nghiệm thích hợp và sức khỏe tốt. Nếu Bên B yêu cầu, Bên A sẽ gửi một bản lý lịch đầy đủ của mỗi kỹ thuật viên cho Bên B trước khi lựa chọn kỹ thuật viên đến hỗ trợ kỹ thuật cho Bên B, Bên B có quyền, với điều kiện có lý do chính đáng, yêu cầu Bên A thay một hoặc một số kỹ thuật viên bằng một người khác.

3.2.4. Chi phí cho hỗ trợ kỹ thuật và dịch vụ kỹ thuật:

Bên B đồng ý trả cho Bên A toàn bộ các chi phí bổ sung liên quan đến các biện pháp mà Bên A thấy là cần thiết trong trường hợp có những sự kiện hoặc tình huống ngoại lệ hoặc không thể lường trước được làm ảnh hưởng hoặc có thể ảnh hưởng đến chất lượng của sản phẩm do Bên B sản xuất. Toàn bộ các khoản chi phí khi phát sinh sẽ được hai bên thống nhất bằng Phụ lục của Hợp đồng.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

4.1. Quyền của Bên A :

- a) Yêu cầu Bên B thực hiện đúng cam kết trong Hợp đồng;
- b) Được thanh toán đầy đủ và hưởng quyền, lợi ích khác theo thỏa thuận trong Hợp đồng;

- c) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp liên quan đến công nghệ giao cho Bên B sử dụng;
- d) Yêu cầu Bên B áp dụng biện pháp khắc phục, bồi thường thiệt hại trong trường hợp Bên B không thực hiện đúng nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng;
- e) Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng và pháp luật có liên quan.

4.2. Nghĩa vụ của Bên A :

- a) Bảo đảm quyền sử dụng/duy trì công nghệ là hợp pháp và không bị hạn chế bởi bên thứ ba, trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác;
- b) Thực hiện đúng cam kết trong Hợp đồng; bồi thường thiệt hại cho Bên B nếu vi phạm Hợp đồng;
- c) Giữ bí mật thông tin về công nghệ và thông tin khác trong quá trình đàm phán, ký kết, thực hiện Hợp đồng theo thỏa thuận;
- d) Nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng và pháp luật có liên quan.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

5.1. Quyền của Bên B :

- a) Yêu cầu Bên A thực hiện đúng cam kết trong Hợp đồng;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp liên quan đến công nghệ giao cho Bên B sử dụng;
- c) Yêu cầu Bên A áp dụng biện pháp khắc phục, bồi thường thiệt hại trong trường hợp Bên A không thực hiện đúng nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng;
- d) Các quyền khác theo quy định của Hợp đồng và pháp luật có liên quan.

5.2. Nghĩa vụ của Bên B :

- a) Thực hiện đúng cam kết trong Hợp đồng; bồi thường thiệt hại cho Bên A nếu vi phạm Hợp đồng;
- b) Giữ bí mật thông tin về công nghệ và thông tin khác trong quá trình đàm phán, ký kết, thực hiện Hợp đồng theo thỏa thuận;
- c) Không được tự ý chuyển giao công nghệ cho bên thứ ba, trừ trường hợp được sự cho phép của Bên A;
- d) Nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng và pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG II

CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU BIA HƠI HÀ NỘI

ĐIỀU 6. CHO PHÉP SỬ DỤNG NHÃN HIỆU "BIA HƠI HÀ NỘI"

- 6.1. Bên A đồng ý và cho phép Bên B được sử dụng Nhãn hiệu Bia Hơi Hà Nội trong sản xuất, tiêu thụ, truyền thông quảng bá thương hiệu tại Lãnh thổ (ngoại trừ thị trường hàng miễn thuế).

Bên B không có quyền chuyển giao Nhãn hiệu cho (các) bên thứ ba trong phạm vi Lãnh thổ hay ngoài Lãnh thổ, ngoại trừ việc chuyển giao các quyền tiếp thị, bán và phân phối liên quan đến sản phẩm.

Bên B không có bất cứ các quyền nào khác được chuyển giao trừ khi xin được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên A.

- 6.2. Các quyền của Bên B theo Hợp đồng này chỉ giới hạn trong phạm vi thị trường tại Lãnh thổ.
- 6.3. Trong suốt thời hạn của Hợp đồng này, Bên A hết sức nỗ lực duy trì hiệu lực pháp lý của Giấy chứng nhận đăng ký Nhãn hiệu "Bia Hơi Hà Nội" tại Việt Nam và sẽ không từ bỏ quyền sở hữu Nhãn hiệu "Bia Hơi Hà Nội".
- 6.4. Trong suốt thời hạn của Hợp đồng này và sau đó, Bên B không thực hiện bất kỳ hành động nào mà có thể làm phương hại đến hiệu lực, hoặc quyền sở hữu của Bên A đối với Nhãn hiệu "Bia Hơi Hà Nội". Bên B cam kết rằng, tại thời điểm hiện tại và trong tương lai, Bên B không đòi hỏi bất cứ quyền nào đối với Nhãn hiệu "Bia Hơi Hà Nội". Bên B xác nhận rằng Nhãn hiệu "Bia Hơi Hà Nội" là tài sản của Bên A, và việc Bên B sử dụng hay áp dụng Nhãn hiệu này sẽ tích lũy vào các quyền của Bên A đối với Nhãn hiệu.
- 6.5. Trong trường hợp phát sinh bất kỳ hành vi xâm phạm hoặc nghi ngờ có hành vi xâm phạm đối với Nhãn hiệu "Bia Hơi Hà Nội" tại Lãnh thổ, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác có thể làm phương hại đến uy tín của Nhãn hiệu hay quyền sở hữu của Bên A đối với Nhãn hiệu mà Bên B phát hiện trong thời hạn của Hợp đồng này, Bên B phải ngay lập tức thông báo cho Bên A. Đồng thời, Bên B có trách nhiệm thực hiện hoặc phối hợp với Bên A thực hiện các biện pháp mà Bên A yêu cầu nhằm ngăn chặn, xử lý các hành vi xâm phạm hoặc thực hiện các biện pháp cần thiết khác, bằng chi phí của Bên A.
- 6.6. Việc sử dụng Nhãn hiệu "Bia Hơi Hà Nội" trong Lãnh thổ phải tuân thủ theo các quy chế, quy định, quy hoạch và hướng dẫn của Bên A.

CHƯƠNG III

SẢN XUẤT SẢN PHẨM BIA HƠI HÀ NỘI

ĐIỀU 7. DANH MỤC SẢN PHẨM VÀ LÃNH THỔ

7.1. Danh mục sản phẩm

Bên B được sử dụng/duy trì công nghệ và sử dụng nhãn hiệu Bia Hơi Hà Nội để sản xuất sản phẩm:

- Bia Hơi Hà Nội keg 50 lít ;
- Bia Hơi Hà Nội keg 30 lít ;
- Bia Hơi Hà Nội keg 20 Lít ;
- Bia Hơi Hà Nội keg 2 Lít ;
- Bia Hơi Hà Nội chai pet 1 lít .

7.2. Lãnh thổ

Phạm vi lãnh thổ mà Bên B có quyền sử dụng công nghệ để sản xuất sản phẩm và sử dụng nhãn hiệu Bia Hơi Hà Nội được quy định chi tiết tại Phụ lục 02 của Hợp đồng.

ĐIỀU 8. CUNG CẤP MEN BIA VÀ CÁC NGUYÊN LIỆU CẦN THIẾT KHÁC

8.1. Cung cấp men bia

Bên A sẽ cung cấp cho Bên B đủ số lượng men bia Hà Nội để sản xuất sản phẩm theo các điều khoản và điều kiện thông thường của Bên A. Địa điểm lấy men do Bên A chỉ định, Bên A chịu trách nhiệm tự vận chuyển và thanh toán những chi phí liên quan đến vận chuyển men phục vụ cho sản xuất của Bên B. Bên B không được sử dụng bất kỳ men bia nào khác không phải là men bia do Bên A cung cấp để sản xuất sản phẩm; chỉ được sử dụng men bia này cho thương hiệu bia của Bên B khi có thỏa thuận bằng văn bản giữa hai Bên về việc sử dụng này, phí sử dụng (nếu có) sẽ được hai Bên thỏa thuận; không tổ chức/ cá nhân nào được phép mang men bia Hà Nội (dưới mọi hình thức) ra khỏi Bên B (ngoại trừ các nhân viên thực hiện nhiệm vụ của Bên A) khi chưa được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A; đồng thời Bên B phải tuân thủ nghiêm ngặt mọi chỉ dẫn của Bên A về quy định bảo mật men và xử lý men bia.

8.2. Các nguyên vật liệu cần thiết

Trong trường hợp cần thiết để bảo đảm chất lượng sản phẩm, Bên A sẽ cung cấp cho Bên B các nguyên vật liệu với chi phí do Bên B thanh toán hoặc chỉ định các nhà cung cấp để Bên B mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất sản phẩm theo danh mục và tiêu chuẩn quy định chi tiết tại Phụ lục 01.

ĐIỀU 9. SẢN XUẤT VÀ SẢN PHẨM

9.1. Bên B lắp đặt và bảo dưỡng các trang thiết bị, máy móc lắp đặt tại Bên B cho mục đích sản xuất và đóng gói sản phẩm theo đúng các yêu cầu, hướng dẫn, chỉ dẫn và các thông số kỹ thuật của Bên A.

9.2. Trong suốt thời hạn của Hợp đồng này Bên B:

- (i) Sản xuất, đóng gói và bảo quản sản phẩm tại Bên B theo đúng các thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn, công thức, cách thức, hướng dẫn, quy trình và phương pháp sản xuất do Bên A cung cấp và có thể được Bên A thay đổi vào bất kỳ lúc nào trong thời hạn hợp đồng;
- (ii) Chỉ sử dụng nguyên vật liệu đã được Bên A chấp thuận trước đó bằng văn bản để sản xuất và đóng gói sản phẩm;
- (iii) Thực hiện cung cấp thông tin cho công chúng về xuất xứ của sản phẩm: là sản phẩm được sản xuất theo Công nghệ và Nhãn hiệu được chuyển giao từ Bên A, bằng hình thức ghi thông tin trên các nhãn bao bì, thùng keg và các hình thức phù hợp khác.
- (iv) Bảo đảm duy trì tại Bên B các nhân viên kỹ thuật mà theo ý kiến của Bên A là hội đủ tiêu chuẩn cho việc sản xuất sản phẩm;
- (v) Không tham khảo ý kiến của bất cứ chuyên gia/đơn vị tư vấn kỹ thuật nào khác ngoài Bên A đối với việc sản xuất sản phẩm.
- (vi) Không tiến hành bất kỳ sự thay đổi, mở rộng hoặc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho việc sản xuất sản phẩm khi không có sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên A;
- (vii) Vào mọi thời điểm hợp lý cho phép Bên A đến kiểm tra các cơ sở sản xuất, đóng gói, lưu trữ hoặc bảo quản sản phẩm của Bên B;
- (viii) Cung cấp theo yêu cầu của Bên A, hoặc cho phép Bên A lấy các mẫu sản phẩm, mẫu các nguyên liệu và vật liệu, tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình sản xuất sản phẩm;

(ix) Cung cấp cho Bên A:

- Hàng tháng, các mẫu sản phẩm và các mẫu nguyên liệu Bên B sử dụng để sản xuất sản phẩm;
- Các báo cáo kỹ thuật thường xuyên theo mẫu mà Bên A áp dụng trong từng thời kỳ;
- Các báo cáo về tiến độ công việc, về tình trạng nhà xưởng, thiết bị và máy móc được sử dụng để sản xuất và đóng gói sản phẩm khi Bên A có yêu cầu;
- Các báo cáo chi tiết cụ thể về những khó khăn gặp phải trong việc sản xuất và đóng gói sản phẩm khi Bên A yêu cầu;
- Các báo cáo về nhập xuất tồn nguyên vật liệu do Bên A cung cấp theo quy định;
- Đơn đặt hàng nắp keg hàng tháng và chịu trách nhiệm về số lượng trong đơn đặt hàng.

(x) Bằng chi phí của Bên B, mua đầy đủ bảo hiểm để bảo hiểm cho trách nhiệm của Bên B đối với sản phẩm.

9.3. Ghi Nhận sản phẩm: Tuân thủ theo các quy chế, quy định, quy hoạch và hướng dẫn của Bên A.

9.4. Bên B có trách nhiệm cập nhật thường xuyên, kịp thời số liệu tồn kho/sử dụng nguyên vật liệu chính quy định tại Phụ lục 01 của Hợp đồng và số liệu sản xuất sản phẩm theo Hợp đồng này trên phần mềm SAP của Bên A. Trong trường hợp Bên B làm sai lệch số liệu giữa số lượng sản phẩm sản xuất thực tế và số lượng sản phẩm trên phần mềm SAP, số liệu tồn kho nguyên vật liệu thực tế và số lượng tồn kho nguyên vật liệu trên phần mềm SAP mà không giải trình được nguyên nhân hoặc nội dung giải trình không được Bên A chấp thuận, Bên B phải chịu phạt vi phạm với các mức như sau:

+ Vi phạm lần 1: Phạt 30 triệu đồng.

+ Vi phạm lần 2: Phạt 50 triệu đồng, tạm dừng sản xuất cho đến khi có sự chấp thuận (bằng văn bản) được sản xuất trở lại của Bên A.

+ Vi phạm lần 3: Chấm dứt Hợp đồng này.

- Bên A tiến hành lập biên bản với Bên B về việc vi phạm và gửi thông báo cho Bên B nêu rõ mức phạt và thời hạn thực hiện.

ĐIỀU 10. SẢN PHẨM KÉM CHẤT LƯỢNG

Nếu Bên A và/hoặc Bên B thấy rằng sản phẩm có sự khác biệt về bất cứ phương diện nào so với các thông số kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn của Bên A thì Bên B, ngay lập tức, bằng chi phí của mình:

- 10.1. Giữ lại và bảo đảm việc giữ lại tất cả sản phẩm kém chất lượng trong kho chứa của Bên B;
- 10.2. Hết sức nỗ lực thu hồi lại bất cứ sản phẩm kém chất lượng nào đã được giao để đưa vào kinh doanh;
- 10.3. Chỉ xử lý sản phẩm kém chất lượng đó theo cách thức mà Bên A ấn định cụ thể bằng văn bản;
- 10.4. Ngừng xuất giao sản phẩm cho đến khi nào Bên A có văn bản xác nhận rằng sản phẩm

đã đáp ứng được các thông số kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn theo yêu cầu.

CHƯƠNG IV

TIẾP THỊ VÀ QUẢNG BÁ SẢN PHẨM "BIA HƠI HÀ NỘI"

ĐIỀU 11. TIẾP THỊ SẢN PHẨM

Trong suốt thời hạn Hợp đồng này, Bên B:

- 11.1. Thực hiện mọi hoạt động tiếp thị theo các kế hoạch tiếp thị đối với sản phẩm như được nêu tại Điều 12 và chấp hành bất cứ các chỉ dẫn cụ thể nào được Bên A đưa ra theo từng thời kỳ trong khuôn khổ các kế hoạch đó;
- 11.2. Nỗ lực hết sức mình để bán sản phẩm trên khắp Lãnh thổ; duy trì đủ lượng tồn kho sản phẩm để đảm bảo đáp ứng đầy đủ mọi nhu cầu đối với sản phẩm tại Lãnh thổ; xuất bán sản phẩm theo phương thức “vào trước - ra trước” (FIFO);
- 11.3. Chỉ bán và cung cấp sản phẩm theo các mức giá được Bên A quy định và/hoặc hướng dẫn trong từng thời kỳ;
- 11.4. Cung cấp khi Bên A yêu cầu, theo cách thức do Bên A quy định:
 - (i) Báo cáo về việc tiếp thị và bán sản phẩm;
 - (ii) Báo cáo về doanh thu, chi phí, hiệu quả khi kinh doanh sản phẩm;
 - (iii) Báo cáo về danh mục khách hàng và điểm bán sản phẩm;
 - (iv) Báo cáo về thực trạng thị trường bia ở Lãnh thổ.
- 11.5. Duy trì một đội ngũ bán hàng đủ năng lực để thực hiện các nhiệm vụ của Bên B theo Hợp đồng này;
- 11.6. Chỉ định hoặc chấm dứt các dịch vụ tư vấn, quảng cáo tiếp thị trực tiếp hoặc gián tiếp cho thương hiệu và sản phẩm khi Bên A có yêu cầu;
- 11.7. Không bán cũng như không phân phối sản phẩm kém chất lượng và thông báo cho Bên A biết ngay khi Bên B biết được thông tin về bất kỳ sản phẩm nào kém chất lượng;
- 11.8. Để thể hiện sản phẩm, chỉ sử dụng các kích cỡ, thiết kế kiểu dáng, màu sắc keg, các nắp chụp, ký mã hiệu trên keg và các vật liệu đóng gói được Bên A quy định, hướng dẫn bằng văn bản trong từng thời kỳ. Bên B sẽ không sử dụng những đối tượng nêu trên cho bất cứ mục đích nào khác khi không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A;
- 11.9. Chỉ được sử dụng Nhãn hiệu cho sản phẩm hoặc các hoạt động liên quan đến sản phẩm; chỉ được kinh doanh và phân phối sản phẩm dưới Nhãn hiệu; phải thường xuyên thông báo cho Bên A về mọi hình thức sử dụng Nhãn hiệu cũng như các dự định sử dụng Nhãn hiệu trong tương lai;
- 11.10. Trong thời gian Hợp đồng này còn hiệu lực và tại bất kỳ thời điểm nào sau khi Hợp đồng chấm dứt, Bên B không được đăng ký hoặc sử dụng ở bất kỳ nơi nào, bất kỳ nhãn hiệu, tên công ty, tên miền hoặc tên gọi nào khác có thể gây nhầm lẫn mà dưới bất cứ hình thức nào giống hoặc gắn kết với Nhãn hiệu hoặc bất kỳ thành phần nào của Nhãn hiệu, trừ khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A;
- 11.11. Khi không được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Bên A, không bán cũng như không phân phối sản phẩm trên thị trường hàng miễn thuế, không bán sản phẩm tại bất

kỳ khu vực hoặc nước nào nằm ngoài Lãnh thổ, cũng như không bán hoặc cung cấp sản phẩm cho bất cứ khách hàng nào, người mà Bên B trong chừng mực hợp lý có thể nhận thấy là họ muốn mua chúng để xuất khẩu hoặc bán ra ngoài Lãnh thổ. Bên B sẽ phải chịu trách nhiệm và bị coi là vi phạm Hợp đồng nếu các sản phẩm do Bên B sản xuất được phát hiện ở bên ngoài Lãnh thổ;

- 11.12. Khi không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A, không được trực tiếp hoặc gián tiếp sản xuất, đóng gói, nhập khẩu, bán hoặc quảng bá bất cứ loại bia nào mang nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu của Bên A;
- 11.13. Lưu giữ tại địa điểm kinh doanh chính của Bên B một cách riêng biệt cụ thể, rõ ràng và trung thực các sổ sách kế toán và hồ sơ về sản xuất, tiếp thị và bán sản phẩm và bất cứ các sổ sách nào ghi chép về các khoản sẽ thu từ bán sản phẩm mà Bên A có thể ấn định cụ thể;
- 11.14. Cho phép các kiểm tra/kiểm toán viên của Bên A đến kiểm tra các hồ sơ, sổ sách kế toán nêu trên và tất cả các sự việc hoặc vấn đề khác có liên quan đến việc sản xuất và tiếp thị sản phẩm; và lấy các bản sao chụp hoặc trích lược hồ sơ, sổ sách kế toán, hoặc tài liệu đó vào bất cứ thời điểm nào trong giờ làm việc bình thường.

ĐIỀU 12. CÁC KẾ HOẠCH TIẾP THỊ VÀ QUẢNG CÁO

- 12.1. Bên B lập và cung cấp cho Bên A (khi có yêu cầu) kế hoạch chính sách tiếp thị tổng thể cho thương hiệu và sản phẩm trong Lãnh thổ, bao gồm: mục tiêu, chỉ tiêu doanh thu, chính sách giá cả, phân phối, quảng cáo, khuyến mại và báo cáo bán hàng.
- 12.2. Bên B chi trả cho mọi hoạt động truyền thông, quảng cáo và tiếp thị sản phẩm tại Lãnh thổ. Tất cả các hoạt động này phải tuân thủ quy chế, quy định, quy hoạch và hướng dẫn của Bên A cũng như các quy định pháp luật có liên quan.
- 12.3. Quyền tác giả đối với các Vật phẩm và Nội dung quảng cáo mà Bên B, các tổ chức quảng cáo, các tổ chức khác hoặc các nhân viên của Bên B phát triển, thu thập hoặc nắm giữ mà đã được thiết kế hoặc viết ra cho mục đích thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm đều thuộc về Bên A mà không phải trả tiền. Bên B luôn luôn bảo lưu quyền tác giả của Bên A đối với các Vật phẩm và Nội dung quảng cáo trong bất cứ đơn đặt quảng cáo nào mà Bên B có thể đưa ra hoặc có thể được đưa ra theo chỉ đạo của Bên B để thực hiện các Vật phẩm và Nội dung quảng cáo đó.
- 12.4. Trong trường hợp phát sinh bất kỳ hành vi xâm phạm hoặc nghi ngờ có hành vi xâm phạm đối với quyền tác giả của Bên A đối với các Vật phẩm và Nội dung quảng cáo hoặc bất kỳ hành vi hay vấn đề nào khác có thể làm phương hại đến quyền tác giả nêu trên mà Bên B phát hiện được, Bên B ngay lập tức thông báo cho Bên A. Đồng thời, Bên B có trách nhiệm thực hiện hoặc phối hợp với Bên A thực hiện các biện pháp mà Bên A yêu cầu nhằm ngăn chặn, xử lý hành vi xâm phạm, bằng chi phí của Bên A.
- 12.5. Theo đề nghị của Bên A, Bên B sẽ hỗ trợ Bên A trong công tác bán hàng để phát triển những sản phẩm mang thương hiệu HABECO của Bên A.
- 12.6. Tùy theo từng thời điểm, để phát triển thị trường, Bên A sẽ hỗ trợ Bên B vật dụng quảng cáo. Nội dung hỗ trợ cụ thể sẽ quy định tại Phụ lục Hợp đồng (nếu có).

CHƯƠNG V

TIỀN PHÍ CHUYỂN GIAO, THÙ LAO DỊCH VỤ HỖ TRỢ KỸ THUẬT VÀ THANH TOÁN

ĐIỀU 13. TIỀN PHÍ SỬ DỤNG/DUY TRÌ CÔNG NGHỆ VÀ CHUYỂN QUYỀN SỬ DỤNG NHÃN HIỆU

13.1. Tiền phí sử dụng/duy trì công nghệ và chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu và giá trị Hợp đồng dự kiến:

- Để đáp lại việc được cấp phép sử dụng độc quyền Nhãn hiệu cho việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trong phạm vi Lãnh thổ, Bên B đồng ý trả cho Bên A phí sử dụng/duy trì công nghệ và chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu là **3%** doanh thu bán sản phẩm do Bên B thực hiện.
- Giá trị Hợp đồng dự kiến đã gồm thuế GTGT: **356.303.266 VND** (Bằng chữ: Ba trăm năm mươi sáu triệu ba trăm linh ba nghìn hai trăm sáu mươi sáu đồng./.)

13.2. Phương thức xác định Doanh thu bán sản phẩm của Bên B:

- Sản phẩm được xem là được bán khi Bên B xuất hóa đơn bán hàng theo quy định của pháp luật.
- Doanh thu bán sản phẩm của Bên B được xác định bằng tổng sản lượng tiêu thụ (bao gồm toàn bộ sản lượng: bán hàng, hỗ trợ, khuyến mại, tiêu dùng nội bộ, cho biếu tặng,...) nhân với đơn giá bán thông thường của sản phẩm do Bên B ban hành áp dụng trong kỳ (quý).
- Tổng sản lượng tiêu thụ được tổng hợp trên cơ sở Báo cáo hóa đơn đầu ra của Bên B.
- Đơn giá bán thông thường của sản phẩm là đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT và không bao gồm các khoản giảm giá như giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại.
- Trường hợp đơn giá bán thông thường của sản phẩm trong kỳ thấp hơn giá sàn Bên A quy định theo Thông báo tại từng thời điểm thì áp dụng giá sàn Bên A quy định để tính doanh thu bán sản phẩm.

13.3. Thời gian thu phí, hồ sơ thanh toán và phương thức thanh toán:

(i) Thời gian thu phí: 1 quý/lần.

(ii) Hồ sơ thanh toán:

- Biên bản xác nhận sản lượng Bia Hơi Hà Nội và quyết toán phí sử dụng/duy trì công nghệ và chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu Bia Hơi Hà Nội hàng quý có xác nhận của hai Bên bao gồm đầy đủ các chỉ tiêu xác định tiền Phí theo quy định tại khoản 13.1 và 13.2 Điều này.
 - Bảng kê hóa đơn đầu ra hàng quý của Bên B trong đó có chi tiết loại hàng hóa, số lượng (bao gồm toàn bộ sản lượng: bán hàng, hỗ trợ, khuyến mại, tiêu dùng nội bộ, cho biếu tặng,...), đơn giá, thành tiền.
 - Báo cáo nhập xuất tồn hàng quý của Bên B có xác nhận của Giám sát kỹ thuật của Bên A trong đó phân loại theo mục đích xuất.
 - Hóa đơn thuế giá trị gia tăng của Bên A xuất cho Bên B theo quy định.
- Thời điểm xuất hóa đơn phí sử dụng/duy trì công nghệ và chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu như sau:

+ Định kỳ hàng quý, Bên A xuất hóa đơn cho Bên B vào ngày cuối cùng của quý trên cơ sở Báo cáo tổng hợp phí sử dụng/duy trì công nghệ và chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu Bia Hơi Hà Nội của Bên B.

+ Vào tuần đầu của quý sau, sau khi hai Bên thống nhất số liệu ký Biên bản xác nhận sản lượng Bia Hơi Hà Nội và quyết toán phí sử dụng/duy trì công nghệ và chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu Bia Hơi Hà Nội, Bên A và Bên B hoàn thành các nghĩa vụ phát sinh (nếu có).

(iii) Hình thức thanh toán:

- Bên B thanh toán cho Bên A bằng chuyển khoản hoặc bù trừ công nợ.

- Trường hợp thanh toán bằng chuyển khoản:

Bên B thanh toán cho Bên A phí sử dụng/duy trì công nghệ và chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu trong vòng 15 ngày kể từ ngày trên hóa đơn Bên A xuất cho Bên B.

Tài khoản thanh toán:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Số tài khoản: 1500 311 000 006

Tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – HẢI PHÒNG

Số tài khoản: 17907469

Tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng

- Trong trường hợp có sự thay đổi thông tin số tài khoản tại Hợp đồng, Bên thay đổi phải thông báo cho Bên kia về sự thay đổi của mình bằng văn bản.
- Bất cứ số tiền nào mà Bên B phải trả cho Bên A nhưng Bên A không nhận được số tiền đó trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn của Bên A thì Bên B phải chịu tiền lãi theo lãi suất ngày (tính theo lãi suất ngân hàng hiện hành) cho số ngày chậm trễ.

CHƯƠNG VI

BẢO MẬT, TRÁCH NHIỆM VÀ BẤT KHẢ KHÁNG

ĐIỀU 14. BẢO MẬT

- 14.1.** Tất cả các thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn, công thức, cách thức, hướng dẫn, quy trình, phương pháp sản xuất, thông tin, tư vấn và tất cả các dữ liệu khác truyền đạt cho một Bên (“Bên nhận thông tin”) bởi hoặc thay mặt cho Bên kia (“Bên tiết lộ”), và tất cả các tài liệu liên quan đến những đối tượng vừa nêu và các bản sao - dưới dạng kỹ thuật số hoặc dưới dạng khác - của những đối tượng vừa nêu này (“Thông tin”) do “Bên nhận thông tin” hoặc các đại diện hoặc người làm việc cho “Bên nhận thông tin” thực hiện đều luôn là tài sản của “Bên tiết lộ” vào mọi thời điểm.
- 14.2.** “Bên nhận thông tin” không được tiết lộ Thông tin cho bất cứ người, hoặc đơn vị/công ty nào, ngoại trừ cho các nhân viên có trách nhiệm của mình, mà họ là những người cần thiết phải tiết lộ cho biết Thông tin để thực hiện sản xuất và bán sản phẩm. “Bên nhận thông tin” phải quy định chế độ bảo mật nghiêm ngặt nhất đối với Thông tin để áp dụng cho tất cả các nhân viên này.

Nếu Bên B là “Bên nhận thông tin” thì Bên B không được sử dụng Thông tin cho việc

sản xuất và tiếp thị bất cứ sản phẩm nào không phải là sản phẩm theo Hợp đồng. Bên B sẽ trả lại toàn bộ Thông tin cho Bên A ngay khi Hợp đồng này chấm dứt.

- 14.3. Các nghĩa vụ nêu tại các khoản 14.1 và 14.2 không áp dụng đối với bất kỳ Thông tin nào mà:
- (i) “Bên nhận thông tin” đã có nắm giữ trước khi Thông tin đó được tiết lộ bởi Bên tiết lộ, hoặc thu thập được sau đó, với điều kiện là việc thu thập Thông tin đó không phải từ các nguồn có bất cứ nghĩa vụ bảo mật nào đối với Bên tiết lộ;
 - (ii) Trở nên phổ biến rộng rãi, hoặc sau đó trở nên phổ biến rộng rãi, mà không vi phạm Hợp đồng này.
- 14.4. Toàn bộ các nội dung về bảo mật quy định tại Điều 14 này tiếp tục có hiệu lực cho dù Hợp đồng này hết hạn hoặc chấm dứt bằng bất kể lý do nào.

ĐIỀU 15. BẢO LƯU CÁC QUYỀN CỦA BÊN A

Hợp đồng này không chuyển giao cho Bên B bất cứ quyền sở hữu nào đối với các tài sản vô hình, Công nghệ, Nhãn hiệu, các Vật phẩm và Nội dung Quảng cáo cũng như các Vật phẩm khác liên quan đến sản phẩm như nhãn dán, thiết kế và các yếu tố liên quan khác.

ĐIỀU 16. TUÂN THỦ

Bên B xác nhận với Bên A rằng Bên B có tất cả các phê chuẩn, giấy phép, chấp thuận và thẩm quyền thích hợp theo tất cả các luật, quy định và quy chế được áp dụng để Bên B có thể sản xuất, đóng thùng, keg, tồn trữ, phân phối, tiếp thị và bán sản phẩm tại Lãnh thổ. Bên B cam kết duy trì các giấy phép, chấp thuận và thẩm quyền này trong suốt thời hạn Hợp đồng và đảm bảo chúng luôn có giá trị pháp lý và hiệu lực đầy đủ.

ĐIỀU 17. TRÁCH NHIỆM

- 17.1. Không có bất kỳ sự đồng ý, chấp thuận, huấn luyện hoặc trợ giúp nào do Bên A hoặc các đại diện theo ủy quyền của Bên A cung cấp đối với bất kỳ hành động hoặc bất hành động nào của Bên B sẽ miễn cho Bên B trách nhiệm phải tuân theo các điều khoản của Hợp đồng này về mọi mặt.
- 17.2. Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B đầy đủ các quy chế, quy định, quy hoạch và hướng dẫn về việc sử dụng Nhãn hiệu “Bia Hơi Hà Nội”.
- 17.3. Bên A sẽ thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của mình theo Hợp đồng một cách tốt nhất với các kỹ năng và khả năng của mình.
- 17.4. Trong trường hợp cần sự trợ giúp hoặc tư vấn của chuyên gia vượt quá phạm vi cam kết cho các dịch vụ nêu tại Điều 3, Bên A có thể thu xếp để bên thứ ba cung cấp các dịch vụ đó, với điều kiện được Bên B chấp thuận trước và Bên B đồng ý thanh toán toàn bộ các chi phí liên quan. Tuy nhiên, Bên A sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tất cả các dịch vụ mà Bên A cam kết cung cấp theo Hợp đồng này.
- 17.5. Bên B cam kết luôn bồi hoàn cho Bên A và Chuyên gia kỹ thuật bia có liên quan đến tất cả các khiếu nại, yêu cầu và đòi hỏi của bất cứ bên thứ ba nào phát sinh liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này hoặc bất kỳ phần nào của Hợp đồng bao gồm tất cả các khoản phí, phí tổn và chi phí nào phát sinh trong việc bào chữa, bác bỏ và giải quyết các khiếu nại, yêu cầu hoặc đòi hỏi đó, trừ phi các khiếu nại, yêu cầu hoặc đòi

hỏi đó được chứng minh là hoàn toàn do các hành động hoặc việc bất hành động của Bên A.

- 17.6. Bên A không chịu trách nhiệm đối với Bên B về bất cứ tổn thất, thiệt hại, chi phí hay phí tổn nào mà Bên B phải gánh chịu hoặc phát sinh cho Bên B liên quan đến Hợp đồng này hoặc vì bất kỳ lý do nào khác, ngoại trừ trong trường hợp các khoản tổn thất, thiệt hại, chi phí hay phí tổn đó phát sinh trực tiếp từ sự cố ý cầu thả hoặc cố tình làm sai trái của Bên A.
- 17.7. Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bên A về hồ sơ chứng từ thanh toán, là cơ sở để quyết toán phí sử dụng/duy trì công nghệ và chuyển quyền sử dụng nhãn hiệu Bia Hơi Hà Nội.
- 17.8. Hợp đồng này không tạo thành và không được xem là tạo thành quan hệ hợp danh giữa các Bên. Bên B không có bất cứ quyền hoặc thẩm quyền nào để đảm nhận, tạo ra hoặc làm phát sinh bất cứ trách nhiệm hoặc nghĩa vụ nào thuộc bất kỳ loại nào chống lại, nhân danh hoặc thay mặt cho Bên A.

ĐIỀU 18. BẤT KHẢ KHÁNG

- 18.1. Bất khả kháng là những sự kiện, bao gồm nhưng không giới hạn sự kiện đình công, hỏa hoạn, ngập lụt, thiên tai, động đất, dịch bệnh, sự thay đổi của pháp luật hoặc các sự kiện khác ngoài khả năng kiểm soát của các Bên, dẫn đến việc một Bên hoặc cả hai Bên tham gia Hợp đồng không thể thực hiện được một hoặc nhiều nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng mà không phải do hành vi có chủ ý hoặc do lỗi của bất kỳ Bên nào.
- 18.2. Khi sự kiện bất khả kháng xảy ra, các Bên không phải chịu trách nhiệm phát sinh đối với việc không thực hiện hoặc chậm trễ trong việc thực hiện bất cứ các nghĩa vụ nào theo Hợp đồng này, trừ nghĩa vụ của Bên B trong việc trả đúng hạn các khoản tiền phí phải thanh toán theo Hợp đồng này.
- 18.3. Bên gặp phải sự kiện bất khả kháng phải nhanh chóng thông báo cho Bên kia biết, trừ trường hợp tính chất của sự kiện nêu trên ngăn cản họ thực hiện việc thông báo.
- 18.4. Trong khoảng thời gian không thể thực hiện Hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng, theo hướng dẫn của Bên còn lại, vẫn phải nỗ lực tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ Hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.
- 18.5. Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng này do trường hợp bất khả kháng, nếu đã áp dụng mọi biện pháp hợp lý để giảm thiểu ảnh hưởng, tác động và hậu quả của sự kiện bất khả kháng, sẽ không phải bồi thường thiệt hại và không bị phạt vi phạm Hợp đồng.

CHƯƠNG VII

THỜI HẠN VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

ĐIỀU 19. HIỆU LỰC VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

19.1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026 và hết hiệu lực sau khi hai Bên hoàn thành xong mọi nghĩa vụ quy định tại Hợp đồng.

19.2. Thời gian thực hiện Hợp đồng: từ thời điểm Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2026.

ĐIỀU 20. CHẤM DỨT

20.1. Hợp đồng này có thể bị chấm dứt ngay bằng cách một trong hai Bên gửi thông báo bằng văn bản cho Bên kia, nếu:

- (i) Bên kia vi phạm nghiêm trọng đối với (các) nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này mà không thể khắc phục được, hoặc vi phạm nghiêm trọng có thể khắc phục được nhưng Bên đó không khắc phục trong vòng 30 ngày kể từ ngày có thông báo bằng văn bản yêu cầu khắc phục sự vi phạm đó;
- (ii) Bên kia có những vi phạm đối với các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này mà từng vi phạm riêng rẽ đó không cấu thành vi phạm nghiêm trọng nhưng khi gộp chung lại thì sẽ được coi là vi phạm nghiêm trọng có thể khắc phục được mà Bên đó không khắc phục trong vòng 30 ngày kể từ ngày có thông báo bằng văn bản yêu cầu khắc phục sự vi phạm đó;
- (iii) Bên kia bị lâm vào tình trạng phá sản, hoặc phần lớn tài sản bị xung công hay tịch thu theo quyết định của Nhà nước.
- (iv) Trong khoảng thời gian 3 tháng liên tục, Bên kia bị cản trở trong việc thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào trong các nghĩa vụ của Bên đó theo Hợp đồng này dù do bất cứ nguyên nhân bất khả kháng nào;
- (v) Bên B ngừng hoặc bán toàn bộ hoặc một phần công việc kinh doanh của Bên B hoặc đe dọa làm như thế;
- (vi) Bên A ngừng làm chủ sở hữu các Nhãn hiệu vì bất cứ lý do nào vượt ngoài tầm kiểm soát của Bên A;
- (vii) Nếu sau khi nhận được thông báo của Bên A về việc sản phẩm không đạt chất lượng như được nêu tại Điều 10 mà Bên B, vì bất cứ lý do nào, không thành công trong việc phục hồi chất lượng sản phẩm của Bên B trong thời hạn 06 tháng kể từ khi nhận được thông báo nêu trên.

20.2. Các lý do chấm dứt nêu tại khoản 20.1, nếu thực hiện bởi Bên A, Bên A có quyền lựa chọn chấm dứt toàn bộ hoặc một phần Hợp đồng này.

20.3. Việc Bên A chậm đưa ra thông báo chấm dứt Hợp đồng khi xảy ra bất cứ một hoặc nhiều sự kiện nêu cụ thể tại khoản 20.1 sẽ không làm ảnh hưởng đến quyền của Bên A trong việc đưa ra thông báo nêu trên vào bất cứ ngày nào sau đó. Việc Bên A không yêu cầu thực hiện nghiêm ngặt bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này không bị xem là từ bỏ yêu cầu đó và /hoặc bất kỳ quyền hoặc biện pháp chế tài liên quan nào. Không

có sự từ bỏ nào của Bên A có hiệu lực trừ khi được đưa ra cụ thể bằng văn bản và được ký bởi Bên A.

ĐIỀU 21. CÁC HỆ QUẢ CỦA VIỆC CHẤM DỨT

21.1. Khi Hợp đồng này chấm dứt vì bất cứ lý do nào:

- (i) Việc sử dụng/duy trì quyền sử dụng Công nghệ và Nhãn hiệu theo Hợp đồng sẽ được chấm dứt. Bên B không được phép tiếp tục sử dụng Công nghệ và Nhãn hiệu đã được chuyển giao dưới bất kỳ hình thức nào.
- (ii) Vào ngày việc chấm dứt Hợp đồng có hiệu lực, Bên B giao ngay và hoàn toàn miễn phí cho Bên A toàn bộ các tài liệu, thông tin kỹ thuật, dữ liệu, thông số kỹ thuật và các vật phẩm liên quan đến việc làm bia, đóng thùng, keg, tồn trữ, phân phối, tiếp thị và bán sản phẩm, cũng như danh sách và thông tin chi tiết về tất cả các khách hàng của Bên B đối với sản phẩm trong 03 (ba) tháng ngay trước khi Hợp đồng chấm dứt;
- (iii) Vào ngày việc chấm dứt Hợp đồng có hiệu lực, Bên B sẽ ngừng nấu bia, sản xuất, đóng keg, tiếp thị, bán và phân phối sản phẩm tại Lãnh thổ và không được tiếp tục sử dụng các Nhãn hiệu hoặc bất cứ thành phần nào của các Nhãn hiệu, hoặc bất cứ các vật phẩm quảng cáo, ký mã hiệu hoặc kiểu dáng được sử dụng trong việc tiếp thị sản phẩm. Đồng thời, dưới sự giám sát của Bên A, Bên B phải xử lý và tiêu hủy toàn bộ men bia của Bên A còn tồn tại kho của Bên B;
- (iv) Bên A sẽ ngừng thực hiện tất cả các đơn đặt hàng chưa hoàn tất hoặc còn tồn đọng cũng như ngừng xem xét bất cứ yêu cầu cung cấp dịch vụ nào. Đối với các dự án đang được thực hiện, Bên A sẽ không tiếp tục cung cấp dịch vụ, trừ khi Bên A có quyết định khác bằng văn bản;
- (v) Bên A có quyền lựa chọn (nhưng không phải là nghĩa vụ), có hiệu lực bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày việc chấm dứt Hợp đồng có hiệu lực, để mua lại toàn bộ sản phẩm đã đóng gói và vật liệu đóng gói còn tồn kho của Bên B, bao gồm cả sản phẩm của mẻ bia hoàn thành vào ngày chấm dứt Hợp đồng, với giá bằng giá thành sản xuất của Bên B tính vào ngày chấm dứt. Nếu Bên A thực hiện quyền lựa chọn mua lại nêu trên, thì Bên B sẵn sàng chuyển giao cho Bên A và Bên A chấp nhận việc giao số hàng tồn kho đó trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên B nhận được thông báo của Bên A, và Bên A trả tiền cho Bên B theo giá đã nêu trên;
- (vi) Bên B ngay lập tức tháo dỡ ra khỏi các cơ sở kinh doanh và xóa bỏ trên văn phòng phẩm, vật phẩm quảng cáo và trang thiết bị của Bên B mọi nội dung liên quan đến các Nhãn hiệu và Sản phẩm. Đồng thời, Bên B không được tuyên bố hoặc thể hiện dưới bất cứ hình thức nào rằng Bên B có liên quan đến các Nhãn hiệu;
- (vii) Bên B ngay lập tức hỗ trợ Bên A trong việc nộp hồ sơ và hoàn tất mọi thủ tục cần thiết để hủy bỏ việc đăng ký Bên B là Người sử dụng được đăng ký đối với các Nhãn hiệu;
- (viii) Bên A không phải trả cho Bên B bất kỳ khoản bồi hoàn nào đối với các tổn thất, chi phí; các khiếu nại, yêu cầu của bên thứ ba; hoặc vì bất cứ lý do hoặc nguyên nhân nào khác. Không có nội dung nào trong Hợp đồng này được hiểu là sự thỏa thuận hoặc ghi nhớ, cho dù là rõ ràng hay ngầm định về trách nhiệm của Bên A đối với việc bồi hoàn nêu trên.

21.2. Các lý do khác:

- (i) Trong trường hợp Bên A không thực hiện quyền lựa chọn mua lại sản phẩm theo điểm (v) khoản 21.1 trong vòng 30 ngày kể từ ngày việc chấm dứt Hợp đồng này có hiệu lực, thì Bên B có thể bán số sản phẩm còn tồn kho trong thời gian không quá ba (03) tháng kể từ ngày chấm dứt chỉ cho các khách hàng hiện hữu của Bên B và chỉ theo các điều kiện phù hợp với Hợp đồng này như thể Hợp đồng này vẫn còn hiệu lực. Bên B vẫn phải trả phí sử dụng/duy trì Công nghệ và Nhãn hiệu đối với số sản phẩm còn tồn kho được bán này. Sau khi thời gian 03 (ba) tháng nêu trên hết hạn thì Bên B sẽ xử lý tiêu hủy theo chỉ dẫn của Bên A toàn bộ số sản phẩm, vật phẩm và nội dung quảng cáo còn lại trong kho của mình và các vật phẩm khác mà trên đó có sử dụng các Nhãn hiệu;
- (ii) Nếu vào ngày việc chấm dứt Hợp đồng có hiệu lực, có mẻ nấu sản phẩm đang trong quá trình thực hiện, thì Bên A có thể tùy nghi theo quyết định của riêng mình cho phép Bên B hoàn thành mẻ bia đó, bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên B.
- (iii) Việc chấm dứt Hợp đồng này không làm phương hại đến các quyền và trách nhiệm đã tích lũy của các Bên tính đến ngày chấm dứt.

CHƯƠNG VIII

CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

ĐIỀU 22. THÔNG BÁO

Tất cả các thông báo sẽ được gửi thông qua dịch vụ chuyển phát nhanh hoặc chuyển đi bằng máy fax (với bản gốc gửi bằng đường thư chuyển phát nhanh) theo địa chỉ của các Bên trong Hợp đồng như dưới đây:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN - BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ : 183 Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 04.39922948

Fax: 04.37228209

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - HẢI PHÒNG

Địa chỉ : Số 16 đường Lạch Tray, Phường Lê Chân, Thành phố Hải Phòng

Điện thoại : 0025.3847.004

Trong trường hợp có sự thay đổi địa chỉ, Bên thay đổi phải thông báo cho Bên kia về sự thay đổi địa chỉ của mình. Bất cứ thông báo nào đã được gửi đi sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được gửi hoặc chuyển đi.

ĐIỀU 23. CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ

23.1. Bên B chỉ có thể chuyển nhượng cho Bên thứ ba các quyền và nghĩa vụ theo Hợp đồng này khi có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A. Ngược lại, Bên A được quyền tự do chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần các quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này cho bất kỳ công ty nào thuộc cùng hệ thống của Bên A mà không cần phải được sự đồng ý của Bên B.

23.2. Bên A có thể chỉ định bất cứ công ty nào khác thuộc cùng hệ thống của Bên A để thực hiện Hợp đồng hoặc bất cứ phần nào của Hợp đồng.

ĐIỀU 24. NGÔN NGỮ, LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

24.1. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được hai Bên giải

quyết thông qua thương lượng và hòa giải. Trong trường hợp hai Bên không giải quyết được tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải, thì các tranh chấp đó sẽ được Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

- 24.2. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng và bắt buộc đối với các Bên và các Bên đồng ý sẽ tuân thủ theo phán quyết của Tòa án.
- 24.3. Không có nội dung nào trong Hợp đồng này được hiểu là hạn chế quyền của bất cứ Bên nào trong việc yêu cầu Tòa án áp dụng các biện pháp ngăn chặn tạm thời hoặc biện pháp khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật. Các Bên công nhận rằng việc bồi thường thiệt hại bằng tiền có thể không đủ để khắc phục hậu quả của hành vi vi phạm Hợp đồng. Vì vậy, các Bên đồng ý rằng, ngoài tất cả các chế tài khác theo quy định của pháp luật, mỗi Bên đều có quyền yêu cầu Tòa án áp dụng các biện pháp ngăn chặn nhằm bảo đảm việc thực thi đúng và đầy đủ các nghĩa vụ theo Hợp đồng này.
- 24.4. Trong trường hợp có tranh chấp, các Bên vẫn tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng này bằng sự tận tâm thích đáng, trong thời gian chờ giải quyết tranh chấp.

ĐIỀU 25. HIỆU LỰC CỦA CÁC ĐIỀU KHOẢN

Nếu một hoặc một số điều khoản của Hợp đồng này bị coi là vô hiệu hay trở nên vô hiệu theo quy định của pháp luật thì (các) điều khoản đó sẽ được tách riêng mà không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản còn lại. Trong trường hợp cần thiết, các Bên sẽ tiến hành đàm phán để sửa đổi hoặc thay thế điều khoản bị vô hiệu bằng một điều khoản phù hợp khác mà không làm ảnh hưởng hoặc phương hại tới các điều khoản còn lại dưới bất cứ hình thức nào.

ĐIỀU 26. THOẢ THUẬN TOÀN BỘ VÀ SỬA ĐỔI

Hợp đồng này tạo ra sự thoả thuận và hiểu biết đầy đủ giữa hai Bên đối với việc sử dụng/duy trì Công Nghệ và chuyển quyền sử dụng Nhãn hiệu. Bất cứ sửa đổi hoặc bổ sung nào đối với Hợp đồng đều không có giá trị ràng buộc các Bên, trừ khi sự sửa đổi hoặc bổ sung đó được lập thành văn bản và được ký kết hợp pháp bởi hai Bên.

ĐIỀU 27. ĐIỀU KHOẢN KÝ KẾT

Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản và được ký bởi đại diện có thẩm quyền của hai Bên như dưới đây.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC 01 - Hợp đồng số 02 - HĐ / HABECO – HNP

ký ngày/.../2025

**QUY ĐỊNH SỬ DỤNG NGUYÊN LIỆU CHO SẢN XUẤT
BIA HƠI HÀ NỘI**

Điều 1. Bên A sẽ cung cấp cho Bên B nắp keg 30/50 lít để phục vụ sản xuất Bia Hơi Hà Nội với đơn giá như sau:

Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	Giá bán giao tại Bên B (VND/ĐVT) Chưa bao gồm VAT
13001487	Nắp keg 30, 50 lít (Licensed)	Cái	1.238

Khi có sự thay đổi về đơn giá, hai Bên sẽ thống nhất với nhau bằng Phụ lục Hợp đồng.

Điều 2. Các nguyên vật liệu khác ngoài nắp keg 30, 50 lít, Bên B tự tổ chức tìm nhà cung cấp và mua theo danh mục và tiêu chuẩn kỹ thuật do Bên A quy định tại Điều 3 dưới đây.

Điều 3. Danh mục các nguyên vật liệu, phụ gia dùng trong sản xuất Bia Hơi Hà Nội:

TT	Nhóm	Tên nguyên vật liệu	Tiêu chuẩn chất lượng
1	Nguyên liệu chính	Nắp bảo hiểm keg bia Hơi Hà Nội	CL.02n/KT
2		Vỏ keg để đựng bia	CL.09/KT
3		Gạo tẻ	CL.01b/KT
4		Đường trắng	CL.01c/KT
5		Malt	CL.01a1/KT CL.01a2/KT CL.01a3/KT
6		Hoa cao	CL.01d/KT
7	Chất hỗ trợ chế biến	Canxiclorua Canxisunphat	CL.03d/KT
8		Caramel	CL.03i/KT
9		Enzyme nấu	CL.03t/KT; CL.03-07/KT
10		Enzyme lên men	CL.03g/KT
11		Kẽm sunphat	CL.03e/KT
12	Hoá chất	Axit HNO ₃ , H ₂ SO ₄ , HCl	CL.03l/KT
13		Xút nước, Xút hạt (NaOH)	CL.03k/KT

TT	Nhóm	Tên nguyên vật liệu	Tiêu chuẩn chất lượng
14		Axit H ₃ PO ₄	CL.03j/KT
15		Chất khử trùng	CL.03m/KT
16	Bột trợ lọc, chất hỗ trợ chế biến	Bột trợ lọc loại thô	CL.03a/KT
17		Bột trợ lọc loại mịn	CL.03a/KT

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHỤ LỤC 02- Hợp đồng số 02 – HĐ / HABECO – HNP

ký ngày/.../2025

QUY ĐỊNH PHẠM VI LÃNH THỔ

Bên B có quyền sử dụng công nghệ để sản xuất sản phẩm và sử dụng nhãn hiệu Bia Hơi Hà Nội trong phạm vi Lãnh thổ được quy định như sau:

1. Vùng trọng điểm : Các xã, phường, đặc khu kinh tế sau đây thuộc Thành phố Hải Phòng (Hải Phòng cũ) :

- Phường/xã : Hồng Bàng, Hồng An, Ngô Quyền, Gia Viên, Lê Chân, An Biên, Hải An, Đông Hải, Kiến An, Phù Liễn, Hưng Đạo, Dương Kinh, Đồ Sơn, Nam Đồ Sơn, An Dương, An Hải, An Phong, Thủy Nguyên, Thiên Hương, Hòa Bình, Nam Triệu, Bạch Đằng, Lưu Kiếm, Lê Ích Mộc, Việt Khê, Kiến Thụy, Kiến Minh, Kiến Hải, Kiến Hưng, Nghi Dương, An Hưng, An Khánh, An Quang, An Trường, An Lão, Vĩnh Bảo, Nguyễn Bình Khiêm, Vĩnh Am, Vĩnh Hải, Vĩnh Hòa, Vĩnh Thịnh, Vĩnh Thuận, Quyết Thắng, Tiên Lãng, Tân Minh, Tiên Minh, Chấn Hưng, Hùng Thắng

- Đặc khu kinh tế : Cát Hải, Bạch Long Vỹ

2. Vùng mở: tỉnh Quảng Ninh

ký ngày/.../2025

QUY ĐỊNH HÀNH VI VI PHẠM, CHẾ TÀI XỬ LÝ VI PHẠM VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

Điều 1. Các hành vi vi phạm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, phân phối sản phẩm Bia hơi Hà Nội bao gồm:

1.1. Vi phạm quy định đóng gói, ghi nhãn sản phẩm:

- Hành vi sử dụng vỏ keg, chai không theo mẫu Bên A quy định;
- Hành vi sử dụng vỏ keg, chai của Công ty khác hoặc của Công ty Cổ phần thương mại Bia Hà Nội (HAT) để sản xuất bia, gây nhầm lẫn về xuất xứ hàng hóa cho khách hàng;
- Hành vi không ghi rõ xuất xứ trên keg, chai chứa Bia thành phẩm;
- Hành vi không trang bị nắp chụp đầu (đối với bao bì keg 30/50 Lit);
- Hành vi không ghi rõ thông tin về một trong các nội dung về ngày sản xuất, hạn sử dụng, xuất xứ, tiêu chuẩn kỹ thuật, thành phần trên nắp chụp hoặc thân keg, chai;
- Hành vi để tồn tại thông tin hoặc nhận diện của các hãng khác (kể cả đã tẩy xóa nhưng vẫn còn lưu dấu vết) trên vỏ keg, chai.

1.2. Vi phạm các quy định về phân vùng lãnh thổ kinh doanh và phát triển phân phối: Hành vi kinh doanh, phân phối và phát triển thị trường sản phẩm Bia Hơi Hà Nội do Bên B thực hiện tại Lãnh thổ không phù hợp với quy định tại Hợp đồng.

1.3. Vi phạm các quy định về dấu hiệu nhận diện trong truyền thông quảng cáo cho thương hiệu:

Hình ảnh ngoài thị trường không đúng với các quy chế, quy định, quy hoạch và hướng dẫn của Bên A được coi là vi phạm về nhận diện trong truyền thông quảng cáo cho thương hiệu.

1.4. Vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo trong quá trình sản xuất kinh doanh:

- Không thực hiện báo cáo bằng văn bản;
- Thực hiện báo cáo bằng văn bản nhưng báo cáo sai thông tin, sai số liệu;
- Hành vi chậm trễ trong việc báo cáo kết quả kinh doanh cũng như kế hoạch kinh doanh.

1.5. Vi phạm các quy định về giá bán sản phẩm: Giá bán cho Nhà phân phối/Khách hàng cấp 1 thấp hơn so với giá bán do Bên A quy định bằng văn bản.

Điều 2. Cách xác định lỗi vi phạm để xử phạt:

Khi nhận được thông tin về hành vi vi phạm, Bên A (đầu mối: Phòng Marketing) gửi Văn bản xử lý vi phạm. Văn bản bao gồm các nội dung và/hoặc tài liệu kèm theo sau:

- Đối với trường hợp vi phạm quy định đóng gói, ghi nhãn sản phẩm: Tên và địa chỉ Đại lý/Điểm bán/Kho; Thời gian ghi nhận thông tin; Hình ảnh sản phẩm (Bắt buộc); Hình ảnh Đại lý/Điểm bán/Kho (Bắt buộc);

- Đối với trường hợp vi phạm các quy định về phân vùng lãnh thổ kinh doanh và phát triển phân phối: Tên và địa chỉ Đại lý/Điểm bán/Kho; Thời gian ghi nhận thông tin; Hình ảnh sản phẩm (Bắt buộc); Hình ảnh Đại lý/Điểm bán/Kho (Bắt buộc); Biển số xe vận chuyển (nếu có); Nguồn nhập hàng; Hóa đơn; Hình ảnh ước lượng số lượng, hình ảnh vi phạm vùng, tuyến...

- Đối với trường hợp vi phạm các quy định về dấu hiệu nhận diện trong truyền thông quảng cáo cho thương hiệu: Tên và địa chỉ Đại lý/Điểm bán/Kho; Thời gian ghi nhận thông tin; Hình ảnh dấu hiệu nhận diện vi phạm quy định (Bắt buộc); Hình ảnh Đại lý/Điểm bán/Kho sử dụng dấu hiệu nhận diện vi phạm quy định (Bắt buộc).

- Đối với trường hợp vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo trong quá trình sản xuất kinh doanh: Bằng chứng về việc không thực hiện báo cáo theo quy định và/hoặc theo yêu cầu của Bên A, báo cáo sai số liệu, báo cáo không đúng với thời gian yêu cầu.

- Đối với trường hợp vi phạm các quy định về giá bán sản phẩm: Địa điểm phát hiện vi phạm, bằng chứng về việc không thực hiện theo đúng quy định (hợp đồng, thông báo giá, quyết định giá, hóa đơn... hoặc các tài liệu có giá trị tương đương).

Bên B được quyền khiếu nại lỗi vi phạm bằng văn bản gửi về Bên A (kèm theo bằng chứng chứng minh việc không vi phạm lỗi hoặc vi phạm do sự kiện bất khả kháng) trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về lỗi vi phạm.

Trong trường hợp không khiếu nại hoặc việc khiếu nại không được chấp nhận (do không chứng minh được việc không vi phạm lỗi hoặc lỗi bất khả kháng), Bên A sẽ đối chiếu quy định xử phạt để đưa ra mức phạt tiền cụ thể.

Điều 3. Chế tài xử lý vi phạm, bồi thường thiệt hại:

3.1. Hình thức xử lý vi phạm:

Bên A áp dụng phạt tiền đối với mỗi hành vi/trường hợp vi phạm được quy định tại Điều 1 của Phụ lục này. Mức phạt: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)/lần vi phạm.

3.2. Biện pháp khắc phục: Ngoài việc chấp hành khoản tiền nộp phạt nêu tại khoản 3.1 Điều 3, Bên B nếu có hành vi vi phạm phải:

- Chấm dứt ngay lỗi vi phạm đối với trường hợp: (1) Vi phạm quy định đóng gói, ghi nhãn sản phẩm; (2) Vi phạm các quy định về dấu hiệu nhận diện trong truyền thông quảng cáo cho thương hiệu; vi phạm quy định về phân vùng lãnh thổ kinh doanh và

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DỰ THẢO HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC
GIA CÔNG HÀNG HÓA**

Số:/..../ BIA HNP-HHP

- Căn cứ Luật thương mại năm 2005 và văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa năm 2007 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng ... năm tại Văn phòng Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Phòng, số 85 Lê Duẩn, Kiến An, thành phố Hải Phòng, chúng tôi gồm có :

1. BÊN ĐẶT GIA CÔNG: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - HẢI PHÒNG

Đại diện : Ông **TRẦN VĂN TRUNG**
Chức vụ : Giám đốc
Địa chỉ : Số 16 Đường Lạch Tray, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng
Điện thoại : 02253 847004 Fax: 02253 845157
Mã số thuế : 0200153370
Tài khoản số : 17907469 tại ngân hàng Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng

(Dưới đây gọi tắt là Bên A)

2. BÊN NHẬN GIA CÔNG: CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO - HẢI PHÒNG

Đại diện : Ông **NGUYỄN HOÀNG GIANG**
Chức vụ : Giám đốc
Địa chỉ : thôn Xuân Áng, xã An Lão, thành phố Hải Phòng
Điện thoại : (0225) 3667.163
Mã số thuế : 0200761964

Tài khoản số : 20182868 tại Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí toàn cầu (GP Bank) chi nhánh Hải Phòng; hoặc tài khoản 883704060001751 tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB) - Chi nhánh Sở giao dịch; hoặc tài khoản 110602416888 tại ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hải Phòng; hoặc tài khoản 1281.566.888 Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Trảng Tiền Hà Nội

(Dưới đây gọi tắt là Bên B)

Hai bên thống nhất thỏa thuận ký hợp đồng gia công này với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: CÁC NGUYÊN TẮC CHUNG

1.1. Bên A đặt hàng và Bên B đồng ý nhận gia công sản xuất sản phẩm theo quy định tại điều 2 của Hợp đồng này.

1.2. Bên A cung cấp các tài liệu liên quan đến quá trình sản xuất, cấp men giống cho bên B và kiểm soát toàn bộ quá trình sản xuất các sản phẩm mang thương hiệu Bia Hải Phòng tại bên B (chi tiết tại phụ lục số 01 của Hợp đồng này).

1.3. Bên B tổ chức sản xuất, bảo đảm chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của bên A (chi tiết theo phụ lục số 01 của Hợp đồng này) tại địa chỉ Bên B: Thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

1.4. Nguyên liệu, vật liệu sản xuất

1.4.1. Bên B tự mua các nguyên liệu chính mang tính chất quyết định đến chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn kỹ thuật và xuất xứ hàng hóa theo tiêu chuẩn sản xuất bia lon do Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng ban hành, bao gồm: Malt (Úc/Châu Âu), gạo.

1.4.2. Bên A cung cấp hoặc ủy quyền cho bên B mua các vật liệu mang nhãn hiệu hàng hóa độc quyền của bên A, bao gồm: vỏ lon.

1.4.3. Bên A cung cấp và xuất hóa đơn bằng giá nhập của Bên A để làm căn cứ đưa vào giá thành đối với một số nguyên vật liệu, hàng hóa độc quyền, bao gồm: Hộp giấy; hoa; cao hoa; một số phụ gia khác

1.5. Bên B giao toàn bộ số lượng sản phẩm đã sản xuất theo đơn đặt hàng cho Bên A sau khi sản phẩm được Bên A kiểm nghiệm đạt tiêu chuẩn chất lượng theo thỏa thuận.

ĐIỀU 2: TÊN SẢN PHẨM, CHẤT LƯỢNG, SỐ LƯỢNG VÀ THỜI GIAN SẢN XUẤT

2.1. Tên sản phẩm: **Bia lon Hải Phòng**

2.2. Nhãn hiệu hàng hóa: Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 40329068000 do Cục sở hữu trí tuệ cấp ngày 04/9/2019.

2.3. Chất lượng:

- Theo bản tự công bố tiêu chuẩn sản phẩm số 10/BHN-HP/2022 của Công ty CP Bia Hà Nội - Hải Phòng ban hành.

- Theo Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật số 50/2016/YTHP-TNCB của Sở Y tế Hải Phòng.

- Quy cách đóng gói: 24 lon/thùng, 330 ml/lon

2.4. Số lượng: Theo từng đơn đặt hàng nhưng phải phù hợp dung tích mẻ nấu 24.000 lít/mẻ. Bên A sẽ căn cứ số lượng thực tế sản phẩm để thanh quyết toán hợp đồng.

2.5. Thời gian sản xuất: theo thỏa thuận của hai bên tại mỗi đơn đặt hàng.

ĐIỀU 3: GIÁ CẢ

- Đơn giá trên là đơn giá đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế VAT Bên B phải nộp theo quy định hiện hành của nhà nước. Căn cứ xác định giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt được bên A thông báo bằng văn bản cho bên B tại từng thời điểm.

- Giá trên bao gồm chi phí công sản xuất, nguyên liệu, vật tư sản xuất.

- Đơn giá cụ thể được quy định tại Phụ lục đính kèm Hợp đồng này.

- Khi có sự thay đổi về giá cả theo đề xuất của một bên, hai bên sẽ tiến hành bàn bạc, thống nhất và thể hiện bằng Phụ lục Hợp đồng.

ĐIỀU 4: THANH TOÁN

4.1. Thời hạn thanh toán: trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi:

- Bên B giao đầy đủ và đúng chất lượng sản phẩm theo đơn đặt hàng của Bên A và các nguyên liệu, vật liệu sản xuất còn dư trả lại cho Bên A (nếu có).

- Đồng thời, Bên A nhận được bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ bao gồm:

+ Hóa đơn GTGT hợp lệ

+ Biên bản giao nhận bia thành phẩm và các nguyên liệu, vật liệu sản xuất còn dư (nếu có)

- Hai bên sẽ tiến hành đối chiếu bù trừ các khoản thanh toán khác (nếu có) và lập Biên bản đối chiếu bù trừ công nợ. Giá trị còn lại được Bên A thanh toán cho Bên B.

4.2. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản bằng đồng VNĐ

ĐIỀU 5: GIAO NHẬN NGUYÊN VẬT LIỆU, THÀNH PHẨM

5.1. Địa điểm giao nhận nguyên vật liệu sản xuất và thành phẩm: tại kho của bên B

5.2. Phương thức giao nhận:

5.2.1. Nguyên tắc chung:

- Hai bên trực tiếp thực hiện giao nhận hàng hóa. Nếu một trong hai bên thuê vận chuyển bên thứ 3 thì phải có giấy ủy quyền hoặc Hợp đồng vận chuyển.

- Việc giao nhận hàng hóa trên cơ sở thỏa thuận tại đơn đặt hàng, hoặc các văn bản đã được xác nhận giữa 2 bên và được xác lập bằng các chứng từ, thủ tục theo quy định. Các bên tạo điều kiện giao nhận hàng hóa được nhanh chóng và đảm bảo các yêu cầu theo quy định.

- Việc giao nhận phải được hai bên lập thành biên bản bàn giao có xác nhận đại diện hai bên.

- Khi nhận hàng hóa nếu phát hiện hàng hóa không đúng quy cách, số lượng, chất lượng thể hiện trên hóa đơn (đối với vật tư) hoặc chứng từ giao nhận (đối với sản phẩm) thì bên nhận hàng phải tiến hành lập biên bản thông báo cho bên giao hàng trong khoảng thời gian 02 giờ bằng hình thức điện thoại hoặc fax. Sau 24h kể từ lúc kết thúc giao nhận, bên nhận hàng không có ý kiến gì hoặc không có thông báo gì thì coi như việc giao nhận hoàn tất.

5.2.2. Thủ tục giao nhận:

a) Đối với sản phẩm:

- Bên A tổ chức kiểm tra sản phẩm của lô hàng (theo quy định tại phụ lục 1). Căn cứ kết quả kiểm tra được ghi trong “Phiếu kiểm tra chất lượng bia thành phẩm” của lô hàng, bên A gửi bên B kết quả “Phiếu kiểm tra chất lượng bia thành phẩm” của lô hàng bằng Fax để bên B có căn cứ giao hàng.

- Bên B giao hàng cho bên A lô hàng được ghi trong “Phiếu kiểm tra chất lượng bia thành phẩm” do bên A cung cấp, đồng thời phát hành hóa đơn giá trị gia tăng đúng với số lượng đã giao.

- Bên A căn cứ hóa đơn GTGT của bên B và lượng bia thành phẩm thực tế để làm thủ tục nhập kho bên A.

b) Đối với nguyên vật liệu giao phục vụ sản xuất

Sau khi nhận được thông báo của bên A về số lượng hàng hóa cần giao. Bên B tổ chức nhận hàng hóa và làm các thủ tục cần thiết để nhập kho (kiểm tra, so sánh với các yêu cầu kỹ thuật, ghi phiếu giao nhận, hóa đơn chứng từ liên quan, lưu hồ sơ,...). Nếu có vấn đề gì yêu cầu bên B thông báo ngay cho bên A (bằng điện thoại hoặc bằng Fax).

c) Đối với nguyên vật liệu còn thừa (nếu có)

Bên B lập bảng kê chi tiết nguyên vật liệu còn thừa, thông báo cho Bên A và giao hàng cùng thời điểm với hàng thành phẩm

5.3. Chi phí bốc xếp: Mỗi bên chịu một đầu. Cụ thể: Bên A chịu chi phí bốc dỡ hàng hóa, sản phẩm lên xuống phương tiện vận chuyển tại kho của bên A; Bên B chịu chi phí bốc dỡ hàng hóa, sản phẩm lên xuống phương tiện vận chuyển tại kho bên B.

5.4. Chi phí vận chuyển: Bên A chịu

ĐIỀU 6: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

6.1. Trách nhiệm của Bên A:

6.1.1. Thông báo cho bên B kế hoạch sản xuất hàng tháng trước 15 ngày của tháng trước hoặc điều chỉnh tăng, giảm số lượng sản phẩm ghi tại Điều 2 của Hợp đồng này. Thực hiện việc điều hành sản xuất và điều hành vận chuyển bia thành phẩm/vỏ lon, vỏ hộp hàng ngày.

6.1.2. Đăng ký và thông báo đến cơ quan chức năng về việc lưu hành sản phẩm sản xuất tại cơ sở của bên B theo đúng quy định của Nhà nước.

6.1.3. Cử nhân viên đến làm việc tại Bên B để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát chất lượng bia Hải Phòng. Bên B tạo điều kiện để nhân viên giám sát bên A hoàn thành nhiệm vụ.

6.1.4. Nhận toàn bộ số lượng sản phẩm đã kiểm nghiệm đạt chất lượng do bên B sản xuất ra ghi tại điều 2 của Hợp đồng này hoặc các phụ lục bổ sung hợp đồng (nếu có). Thời hạn trả kết quả kiểm nghiệm không muộn hơn 48 tiếng kể từ khi bên A nhận được mẫu từ bên B (trừ ngày lễ). Thời hạn nhận hết hàng theo đơn đặt hàng không quá 2 tuần (14 ngày) kể từ khi có kết quả kiểm nghiệm đạt.

6.1.5. Thanh toán công nợ theo quy định tại điều 4 của Hợp đồng này.

6.1.6. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và Phụ lục kèm theo.

6.2. Trách nhiệm Bên B:

6.2.1. Tổ chức sản xuất theo quy trình công nghệ và các yêu cầu bảo mật công nghệ được ghi tại phụ lục số 01 của Hợp đồng này;

6.2.2. Bảo quản bia thành phẩm, nguyên liệu trong kho theo tiêu chuẩn của bên A quy định về điều kiện nhà kho lưu trữ nguyên phụ liệu và bia thành phẩm. Thực hiện kiểm soát chất lượng sản phẩm mang thương hiệu bia Hải Phòng (theo các thủ tục đã được xác lập tại 2 Công ty, lưu hồ sơ các quá trình kiểm soát chất lượng).

6.2.3. Thông báo cho bên A việc không đảm bảo kế hoạch giao bia thành phẩm và nhận các vật liệu do các nguyên nhân khách quan.

6.2.4. Chịu sự kiểm tra, giám sát của bên A về toàn bộ quá trình sản xuất bia lon Hải Phòng.

6.2.5. Gửi bộ hồ sơ thanh toán cho bên A thành một hoặc nhiều đợt và thanh toán công nợ theo quy định tại điều 4 của Hợp đồng này.

6.2.6. Bảo mật thông tin liên quan đến quy trình công nghệ sản xuất mà Bên A cung cấp cho mình.

6.2.6. Thực hiện trách nhiệm quy định tại các phụ lục của Hợp đồng này.

ĐIỀU 7: XỬ LÝ VI PHẠM HỢP ĐỒNG

7.1. Vi phạm về thương hiệu

Tất cả các hành vi sử dụng quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu sản phẩm quy định tại Điều 2 của Hợp đồng này đều được coi là vi phạm (trừ trường hợp được sự đồng ý của bên A bằng văn bản). Nếu vi phạm, bên B sẽ phải chấp nhận các hình thức xử lý sau:

- Bên B phải chấm dứt ngay lập tức hành vi vi phạm khi nhận được thông báo bằng văn bản của Bên A;

- Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh từ hành vi vi phạm nhãn hiệu của mình cho Bên A.

- Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này.

- Bên A có quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm nhãn hiệu hoặc khởi kiện ra tòa án có thẩm quyền nếu Bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nêu tại khoản 7.1, điều này.

7.2. Vi phạm về chất lượng và số lượng

7.2.1. Vi phạm về chất lượng

a. Nếu Bên B sử dụng quy trình công nghệ sản xuất bia lon Hải Phòng hoặc men bia Hải Phòng do bên A chuyển giao để sản xuất bia mang nhãn hiệu khác thì bên B sẽ phải chấp nhận các hình thức xử lý sau:

- Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này;
- Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh từ hành vi vi phạm này;
- Đồng thời, Bên B chịu phạt 8% tính trên giá trị đơn hàng gần nhất.

b. Bên B tự ý thay đổi quy trình công nghệ đã được chuyển giao. Nếu vi phạm, bên B sẽ phải chấp nhận các hình thức xử lý sau:

- Bên A không nhận lô hàng bên B sản xuất không đúng quy trình công nghệ;
- Tạm dừng sản xuất cho đến khi bên B chấm dứt/hủy bỏ việc vi phạm này.
- Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh từ hành vi vi phạm này;
- Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này;

c. Bên B sử dụng nguyên liệu, phụ gia không đúng tiêu chuẩn kỹ thuật do bên A quy định. Nếu vi phạm, bên B sẽ phải chấp nhận các hình thức xử lý sau:

- Nếu việc vi phạm phát hiện trước hoặc trong quá trình sản xuất, hai bên tiến hành lập Biên bản vi phạm và Bên B phải tạm dừng sản xuất cho đến khi bên B chấm dứt/hủy bỏ việc vi phạm này; đồng thời, bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh từ hành vi vi phạm này

- Nếu việc vi phạm phát hiện sau khi Bên B đã hoàn thành sản xuất thì Bên A không nhận lô hàng này, Bên B phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh từ hành vi vi phạm này và chịu phạt 8% giá trị lô hàng bị vi phạm chất lượng;

- Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này;

d. Bên B làm thất thoát, bảo quản nguyên vật liệu làm hỏng hóc, suy giảm chất lượng hoặc sai lệch số lượng các vật liệu mang nhãn hiệu độc quyền của bên A nhưng không giải trình được nguyên nhân phải bồi thường vật chất gấp 05 lần giá trị khi mua vào.

e. Bên B vi phạm về tần suất kiểm tra, phân tích, lấy mẫu, gửi mẫu bị nhắc nhở quá 2 lần, lần thứ 3 sẽ bị lập biên bản xem xét lại việc thực hiện hợp đồng giữa hai bên.

f. Bên B vi phạm về quy định báo cáo số liệu, bị nhắc nhở quá 2 lần, lần thứ 3 sẽ bị lập biên bản và xem xét lại việc thực hiện hợp đồng giữa 2 bên.

g. Nếu để sản phẩm có dị vật ra thị trường gây ảnh hưởng đến hình ảnh và thương hiệu của bên A thì bên B sẽ phải chấp nhận các hình thức xử lý sau:

- Bên B có trách nhiệm thu hồi toàn bộ lô hàng và bên A không chấp nhận thanh toán giá trị lô hàng đó đồng thời tạm dừng sản xuất cho đến khi bên B chấm dứt/hủy bỏ việc vi phạm này.

- Bên B phải chịu toàn bộ tổn thất về vật chất và trách nhiệm pháp lý (nếu có) do việc vi phạm hợp đồng này.

- Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này.

h. Nếu Bên B để sản phẩm đựng trong vỏ hộp không đúng chủng loại đã quy định tại điều 1 ra thị trường gây ảnh hưởng đến hình ảnh và thương hiệu của bên A thì bên B sẽ lập biên bản và chấp nhận xử lý như ghi trong mục g điều 7.2.1.

7.2.2. Vi phạm về số lượng:

a. Không giao hết 100% số lượng sản phẩm bia lon Hải Phòng được sản xuất theo lô cho bên A mà giữ lại bán ra thị trường hoặc dùng vào mục đích khác. Bên B phải bồi thường gấp 5 lần giá trị phần giữ lại theo giá quy định tại điều 3 của Hợp đồng này. Tái phạm lần thứ 3 sẽ chấm dứt hợp đồng này.

b. Làm sai lệch số liệu giữa số lượng sản phẩm bia lon Hải Phòng sản xuất thực tế và số lượng sản phẩm bia lon Hải Phòng trên sổ sách mà không giải trình được nguyên nhân. Bên B sẽ bị lập biên bản và xem xét lại việc thực hiện hợp đồng giữa 2 bên.

c. Trường hợp bên A không nhận hết số lượng sản phẩm đạt chất lượng đã sản xuất theo đơn hàng quá thời hạn nêu trong mục 6.1.4 thì bên B có quyền yêu cầu bên A trả tiền lưu kho bãi theo đơn giá thỏa thuận tại thời điểm đó, khi bị suy giảm chất lượng không thể giao hàng tiếp được thì bên B có quyền hủy số sản phẩm trên mà bên A phải chịu mọi chi phí từ sản xuất đến tiêu hủy đối với sản phẩm đó.

7.3. Trình tự chịu trách nhiệm vật chất:

- Nhân viên giám sát chất lượng bia Hải Phòng của bên A lập biên bản về việc vi phạm và có xác nhận của bên B hoặc ngược lại bên B lập biên bản đối với vi phạm việc không nhận hàng đúng thời hạn và có xác nhận của bên A.

- Bên A/B gửi thông báo cho bên B/A nêu rõ hình thức, mức bồi thường vật chất và thời hạn thực hiện.

7.4. Thanh toán tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại

Việc thanh toán tiền bồi thường được thanh toán vào công nợ và thanh toán bù trừ theo điều 4 Hợp đồng này.

ĐIỀU 8: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

8.1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các điều khoản đã nêu trong hợp đồng. Nếu có vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo đôi bên cùng có lợi. Mọi thay đổi, bổ sung được hai bên thống nhất bằng văn bản và ký xác nhận để làm cơ sở xác lập phụ lục hợp đồng. Không bên nào được tự ý thay đổi các điều khoản của Hợp đồng.

8.2. Trường hợp có tranh chấp mà hai bên không tự giải quyết được bằng thương lượng thì mỗi bên có quyền khởi kiện đến Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

8.3. Bên A có quyền đơn phương đình chỉ và/ hoặc chấm dứt hợp đồng nếu bên B không thực hiện đúng hoặc vi phạm (các) điều khoản của hợp đồng và/ hoặc các phụ lục của hợp đồng này, dẫn đến khả năng gây nguy cơ tổn hại đến uy tín thương hiệu hay chất lượng sản phẩm của bên A.

8.4. Khi thanh toán hợp đồng, hai bên phải tiến hành đối chiếu các khoản công nợ có liên quan đến hợp đồng này để làm cơ sở thanh lý hợp đồng không quá 90 ngày kể từ ngày hợp đồng hết hiệu lực.

ĐIỀU 9: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/12/2026.

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản, mỗi Bên giữ 02 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

MUA BÁN HÀNG HÓA

Số: 04/HĐMB-2026/HNB – HNHP

Căn cứ:

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc Hội ban hành ngày 24/11/2015;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc Hội ban hành ngày 14/6/2005;
- Nhu cầu hợp tác và năng lực của các Bên;

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2026, chúng tôi gồm:

BÊN BÁN : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI HABECO

Địa chỉ : Số 183 phố Hoàng Hoa Thám, Phường Ngọc Hà, TP Hà Nội, Việt Nam

Tài khoản 1 : 1500201068568

Ngân hàng : Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội

Tài khoản 2 : 1011116889

Ngân hàng : Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội chi nhánh Thăng Long

Mã số thuế : 0104068531

Email : dathang.hnb@habeco.com.vn

Đại diện bởi : **Bà Nguyễn Thu Hiền**

Chức vụ : **Phó Giám Đốc**

(Theo Giấy ủy quyền số 19/GUQ-HNB ngày 09/07/2025)

(Sau đây gọi là “Bên A”)

Và

BÊN MUA : CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - HẢI PHÒNG

Địa chỉ : Số 16 Lạch Tray, Phường Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Tài khoản : 17907469

Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Á Châu (ACB) – chi nhánh Hải Phòng

Mã số thuế : 0200153370

Đại diện bởi : **Ông Trần Văn Trung**

Chức vụ : **Giám Đốc**

(Sau đây gọi tắt là “Bên B”)

Sau khi bàn bạc, hai Bên nhất trí cùng ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa (Hợp đồng) với những điều khoản và điều kiện sau:

ĐIỀU 1: TÊN HÀNG HOÁ, ĐƠN GIÁ

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ) (Chưa bao gồm VAT)	Thuế VAT (VNĐ)	Đơn giá (VNĐ) (Đã bao gồm VAT)	Quy cách đóng gói (Lon/hộp, chai/két)
1	Nước Tinh Lọc Uniaqua chai 500ml (24 chai/hộp)	Hộp	60.909	4.873	65.782	24
2	Nước Tinh Lọc Uniaqua chai 350ml (24 chai/hộp)	Hộp	51.818	4.146	55.964	24
3	Bia Hanoi lon 330ml (24 lon/Hộp)	Hộp	231.829	23.183	255.012	24
4	Bia lon Hà Nội 330ml Nhãn Xanh (24 lon/Hộp)	Hộp	219.320	21.932	241.252	24
5	Bia Hơi Hà Nội 500ml (24 lon/hộp, không có màng co)	Hộp	310.360	31.036	341.396	24
6	Bia Trúc Bạch lon Sleek 330ml (24 lon/Hộp)	Hộp	371.810	37.181	408.991	24
7	Bia Hanoi Premium lon Sleek 330ml (24 lon/Hộp)	Hộp	272.940	27.294	300.234	24
8	Bia Hanoi Bold lon Sleek 330ml (24 lon/Hộp)	Hộp	272.040	27.204	299.244	24
9	Bia Hanoi Light lon Sleek 330ml (24 lon/Hộp)	Hộp	319.990	31.999	351.989	24
10	Bia Trúc Bạch IPA Craft Beer 330ml (06 chai/hộp, đã bao gồm vỏ chai)	Hộp	353.100	35.310	388.410	6

1.1. Đơn giá này không cố định và có thể được thay đổi tùy theo điều kiện thị trường hoặc chính sách của Bên A. Việc thay đổi đơn giá sẽ được Bên A toàn quyền chủ động thực hiện và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản và/ hoặc bằng Fax và/ hoặc bằng email cho Bên B (theo thông tin của bên B tại phần đầu Hợp đồng) trước ngày dự kiến áp dụng mức giá mới ít nhất 15 ngày. Đơn giá mới sẽ được áp dụng ngay cho đợt giao hàng tiếp theo kể từ thời điểm áp dụng đơn giá mới. Thông báo đơn giá mới nêu trên mặc nhiên trở thành Phụ lục của Hợp đồng.

1.2. Trước thời điểm đơn giá mới có hiệu lực, nếu Bên B có văn bản phản hồi việc không đồng ý mức đơn giá mới của một hoặc một số hàng hóa do Bên A đưa ra nêu trên thì Hợp đồng sẽ được thực hiện theo các quy tắc sau:

1.2.1 Phần Hợp đồng đối với các hàng hóa mà Bên A không đưa ra đơn giá mới sẽ không bị ảnh hưởng và các Bên sẽ thực hiện Hợp đồng theo các điều kiện ban đầu.

1.2.2 Phần Hợp đồng đối với các hàng hóa không được Bên B chấp thuận đơn giá mới sẽ được tạm ngừng thực hiện cho đến khi xảy ra một trong các sự kiện được ghi nhận dưới đây:

- (i) Các Bên đạt được một thỏa thuận thống nhất về việc tiếp tục thực hiện Hợp đồng này với mức giá mới cho các hàng hóa bị tạm dừng thực hiện việc mua bán. Thỏa thuận này phải được thể hiện bằng văn bản có chữ ký đại diện hợp pháp của các Bên và mặc nhiên trở thành Phụ lục của Hợp đồng, thỏa thuận này không làm ảnh hưởng đến các thỏa thuận khác trong Hợp đồng giữa các Bên;
- (ii) Trong vòng 05 (năm) ngày kể từ khi nhận được thông báo về việc thay đổi toàn bộ đơn giá, nếu Bên B có văn bản phản hồi không đồng ý mức đơn giá mới của toàn bộ hàng hóa do Bên A đưa ra thì xem như các Bên đồng ý chấm dứt toàn bộ Hợp đồng trước thời hạn và không Bên nào phải chịu trách nhiệm về bất kỳ tổn thất nào của Bên kia.

ĐIỀU 2: QUY CÁCH & TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG.

Các sản phẩm của Bên A bán cho Bên B có quy cách & tiêu chuẩn chất lượng theo bản công bố trên trang web: <https://www.habeco.com.vn/> của Nhà sản xuất.

ĐIỀU 3: ĐẶT HÀNG VÀ GIAO NHẬN HÀNG HÓA

3.1. Trong thời gian hiệu lực của Hợp Đồng này, căn cứ vào nhu cầu sử dụng, Bên B sẽ lập và gửi cho Bên A các Đơn đặt hàng vào từng thời điểm khác nhau làm cơ sở để Bên A cung cấp theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này.

(i) Thông tin đầu mối đặt hàng và xác nhận đặt hàng của các bên:

- Ông Nguyễn Thành Đông: Cửa hàng trưởng Cửa hàng bán và giới thiệu sản phẩm tại Số 16 Lạch Tray, Phường Lê Chân, Thành phố Hải Phòng; Số điện thoại: 0904650728. Ông Đông là người đại diện đặt hàng và nhận hàng tại Cửa hàng.
- Bà Đỗ Thị Minh Ngọc: Nhân viên văn thư; Số điện thoại: 0904725444. Bà Ngọc là người đại diện đặt hàng nhận hàng tại địa chỉ văn phòng (85 Lê Duẩn, Kiến An, Hải Phòng).

(ii) Phương thức đặt hàng: Điện thoại, email, zalo,...

3.2. Địa điểm giao hàng: một trong hai địa điểm sau, tùy theo yêu cầu của đơn hàng cụ thể. Mỗi lần giao hàng cho 1 địa điểm phải đạt tối thiểu 100 thùng.

- Trụ sở chính/Cửa hàng bán và giới thiệu sản phẩm: Số 16 Lạch Tray, Phường Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam hoặc;
- Văn phòng làm việc: Số 85 Lê Duẩn, phường Kiến An, Thành phố Hải Phòng.

3.3. Thời gian giao hàng: Bên A giao hàng trong 02 ngày (48h) làm việc kể từ ngày nhận được đơn hàng từ Bên B qua Email và Bên B đã thanh toán theo quy định tại Điều 4 hợp đồng này. Bên A giao hàng cho Bên B vào giờ hành chính các ngày trong tuần, trừ chiều thứ 7, chủ nhật, các ngày lễ tết và theo thời gian quy định của Bên B.

3.4. Chi phí vận chuyển và bốc xếp do Bên A chịu trách nhiệm thanh toán.

3.5. Thời gian bốc xếp: theo yêu cầu của Bên A. Bên A sẽ gửi thông báo thời gian bốc xếp trước khi giao hàng cho Bên B để Bên B chuẩn bị nhân lực phối hợp đảm bảo thời gian bốc xếp.

3.5. Khi thực hiện việc giao nhận hàng hoá, Bên B có trách nhiệm kiểm tra hàng hóa trước khi ký nhận đầy đủ trên phiếu giao nhận hàng theo mẫu của Bên A.

ĐIỀU 4: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1. Trước mỗi đợt giao nhận hàng hóa, Bên B có trách nhiệm thanh toán cho Bên A toàn bộ giá trị đơn hàng. Bên A chỉ giao hàng hóa cho Bên B sau khi đã nhận đủ số tiền, theo đơn giá được quy định tại Điều 1 Hợp đồng này.

4.2. Bên B thanh toán bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản Ngân hàng của Bên A với nội dung chuyển tiền có kèm theo mã khách hàng mà Bên A cung cấp cho Bên B, theo thông tin chuyển khoản như sau:

- Tên người thụ hưởng: Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Habeco.

- Tài khoản 1: 1500201068568

Ngân hàng: Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội.

- Tài khoản 2: 1011116889

Ngân hàng: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long

4.3. Trường hợp có thay đổi về hình thức thanh toán, tài khoản thanh toán, ngân hàng giao dịch và các thông tin khác liên quan đến việc thanh toán, các Bên có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bên còn lại trước thời điểm thực hiện việc thanh toán tối thiểu là 05 ngày.

ĐIỀU 5. QUY ĐỊNH TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN.

5.1. Trách nhiệm của Bên A

5.1.1 Chuẩn bị phương tiện và giao hàng hóa cho kho Bên B.

5.1.2 Cung cấp đủ số lượng và đúng chất lượng hàng hóa đã cam kết.

5.1.3 Ủy quyền cho các Kho của Bên A để xuất hàng cho Bên B.

5.2. Trách nhiệm của Bên B

5.2.1 Bên B có trách nhiệm cử đại diện kiểm tra hàng hóa trước khi nhận và ký vào các hóa đơn có liên quan đến việc mua bán hàng hóa.

5.2.2 Kể từ khi nhận hàng hóa từ Bên A, Bên B có trách nhiệm bảo quản hàng hóa nơi khô ráo, thoáng mát, không để trực tiếp dưới ánh sáng mặt trời hoặc nguồn nhiệt và phải tuân theo các chỉ dẫn khác của Bên A về bảo quản hàng hóa.

i. Trường hợp Bên B không tuân thủ đúng các quy tắc bảo quản do Bên A quy định gây thiệt hại đến uy tín, thương hiệu sản phẩm và/hoặc ảnh hưởng đến người tiêu dùng thì Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại phát sinh và/hoặc có liên quan từ việc bảo quản không đúng quy định.

ii. Trường hợp Bên B đã tuân thủ đúng các nguyên tắc bảo quản nhưng hàng hóa vẫn bị lỗi không đảm bảo chất lượng thì Bên A có trách nhiệm thu hồi và đổi mới số hàng hóa nói trên cho Bên B. Mọi chi phí phát sinh từ việc thu hồi và đổi mới hàng hóa sẽ do Bên A chịu. Đối với hàng hoá đổi trả, giá xuất trả bằng giá bên A bán cho bên B đối với lô hàng xuất trả.

5.2.3 Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên Bán theo quy định của Hợp Đồng.

ĐIỀU 6. CHÍNH SÁCH BÁN HÀNG.

6.1. Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, căn cứ vào tình hình kinh doanh cụ thể Bên A sẽ đưa ra chính sách bán hàng với các điều kiện, tiêu chí để hỗ trợ bán hàng và chiết khấu thương mại cho Bên B. Nội dung chính sách bán hàng sẽ được Bên A thông báo bằng văn bản và/hoặc thông qua Fax và/ hoặc Email đến Bên B tại từng thời điểm.

6.2. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày được thông báo quy định tại khoản 6.1 Điều 6 hợp đồng này, nếu Bên B không có phản hồi không đồng ý bằng văn bản thì chính sách bán hàng mới sẽ mặc nhiên trở thành một phần không thể tách rời của Hợp đồng này và việc áp dụng không làm ảnh hưởng đến các thỏa thuận khác trong Hợp đồng giữa hai Bên.

ĐIỀU 7. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG.

7.1. Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

- (i) Hợp đồng hết hạn mà không được các bên gia hạn;
- (ii) Các bên thỏa thuận bằng văn bản về việc chấm dứt hợp đồng trước hạn;
- (iii) Một trong hai bên bị giải thể, tuyên bố phá sản;
- (iv) Một trong hai bên đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định tại hợp đồng này;
- (vi) Đối tượng của Hợp đồng này không còn hoặc không thể tiếp tục thực hiện do quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

7.2. Bên A được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Bên B vi phạm nghĩa vụ quy định tại hợp đồng này mà không bị phạt hay phải bồi thường thiệt hại cho Bên B. Bên A có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản cho bên B trước ngày chấm dứt hợp đồng ít nhất 10 (mười) ngày.

7.3. Trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn, các bên có trách nhiệm tiến hành thanh lý Hợp đồng trong vòng 03 ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng hoặc một thời hạn sớm hơn. Biên bản đối chiếu công nợ giữa hai Bên có giá trị như Biên bản thanh lý Hợp đồng. Nếu một bên không tham gia thanh lý trong thời hạn nêu trên và đã được bên kia thông báo bằng văn bản mà vẫn không tham gia trong thời hạn bên kia yêu cầu thì hợp đồng được coi là thanh lý và các bên vẫn phải có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ thanh toán, hoàn trả tiền, tài sản và các khoản phạt, bồi thường (nếu có).

ĐIỀU 8. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

8.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2026.

8.2. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có những vấn đề phát sinh hai Bên sẽ cùng nhau bàn bạc, thương lượng giải quyết. Trường hợp không thỏa thuận giải quyết được thì hai bên thống nhất đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền. Phí toà án sẽ do Bên có lỗi chịu trách nhiệm thanh toán.

8.3. Một bên được coi là đã nhận được thông báo của bên còn lại khi:

- i. Có báo phát thành công của đơn vị vận chuyển bao gồm nhưng không giới hạn các hình thức như báo phát trên website,....
- ii. Có thông báo đã gửi trên email, fax theo địa chỉ tại phần thông tin đầu hợp đồng.

8.4. Các nội dung khác không thỏa thuận trong Hợp đồng này hai Bên có nghĩa vụ thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

8.5. Hợp đồng này sẽ mặc nhiên được thanh lý khi các Bên hoàn thành các nghĩa vụ được quy định tại Hợp đồng.

8.6. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản và Bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số: 02/HĐ-BALPAC-HP

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 24/11/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 14/6/2005, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2006;

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên.

Hôm nay, ngày ...thángnăm, tại thành phố Hải Phòng, chúng tôi gồm:

Bên Mua: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - HẢI PHÒNG

Địa chỉ : số 16 đường Lạch Tray, phường Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại : 0225 3640 681/3853 680 Fax: 0225 3845 157

Tài khoản : 17907469

Tại Ngân hàng : TMCP Á Châu Hải Phòng.

Mã số thuế : 0200153370

Người đại diện : Ông **TRẦN VĂN TRUNG** Chức vụ: Giám đốc.

Bên Bán: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIA - RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT

Địa chỉ : số 38 đường Ngô Quyền, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Điện thoại : 0225 3837 257

Tài khoản : 70491379

Tại Ngân hàng : TMCP Á Châu, Chi nhánh Duyên Hải, phòng giao dịch Ngô Quyền Hải Phòng.

Mã số thuế : 0200159453

Người đại diện : Bà **ĐOÀN THỊ THU HUYỀN** Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng nhau thoả thuận thống nhất ký Hợp đồng mua bán với những điều khoản và điều kiện sau:

Điều 1: LOẠI HÀNG HÓA - SỐ LƯỢNG - ĐƠN GIÁ

1. Sản phẩm: Nắp chai Hai Phong Beer (theo mẫu maquette được Bên mua duyệt).

2. Hàng hóa được đóng gói trong thùng carton, có túi nylon. Mỗi thùng đóng gói 10.000 ± 10 nắp.

3. Giá bán chưa bao gồm VAT (8%):

DVT: đồng

Stt	Tên nắp	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến	Đơn giá	Giá trị Hợp đồng tạm tính (chưa VAT)
1	Nắp chai Hải Phòng Beer	Nắp	8.202.667	135	1.130.500.000

4. Đơn hàng được giao thành nhiều đợt từ tháng 01/2026 đến tháng 12/2026.

5. Đơn giá trên là đơn giá cố định. Trong trường hợp có sự thay đổi về giá cả, marquette... hai bên tiến hành làm phụ lục hợp đồng cho Hợp đồng.

6. Trong thời gian hiệu lực của Hợp Đồng này, căn cứ vào nhu cầu sử dụng, Bên Mua sẽ lập và gửi cho Bên Bán các Đơn đặt hàng vào từng thời điểm khác nhau (như được quy định chi tiết tại Điều 2 dưới đây) làm cơ sở để Bên Bán cung cấp theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này.

7. Bảo quản hàng hóa:

a) Bảo quản ở nơi khô ráo, không bị úng, lụt, tránh ẩm thấp, tránh tiếp xúc trực tiếp với lửa, hóa chất, ánh nắng mặt trời.

b) Nhiệt độ khu vực bảo quản tối đa là 38°C , độ ẩm ở mức tối thiểu, hệ thống thông gió tốt, mặt sàn phẳng và sạch.

c) Kho chứa không được có mùi hôi hoặc nặng mùi, phải sạch sẽ, không bụi bẩn.

d) Kho chứa phải không có côn trùng hoặc động vật ở bên trong. Trong trường hợp là kho bao bì thực phẩm thì phải có MSDS khi sử dụng hóa chất diệt côn trùng.

e) Không để bị rơi hoặc va chạm với những vật dụng, thiết bị khác như xe nâng, máy móc, nguyên vật liệu, vật tư khác...

f) Khi bốc xếp phải cẩn thận, không được quăng, ném làm rách bao gói và làm móp méo hàng hóa hoặc kéo lê làm xước hàng hóa.

Điều 2: THỜI GIAN - ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG

1. Thời gian giao hàng: trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày Bên bán nhận được đơn đặt hàng qua điện thoại (tin nhắn SMS, zalo),... của Bên mua.

Thông tin đầu mỗi đặt hàng và xác nhận đặt hàng của các bên:

- Bên mua: bà Nguyễn Thị Hồng Nhung (Trưởng phòng tổng hợp), Điện thoại: 0911592662

- Bên bán: bà Hà Thị Giang (Phó phòng tổng hợp), Điện thoại: 0983780829

2. Trường hợp Bên bán giao hàng trễ thì phải thanh toán tiền phạt chậm giao hàng theo quy định (0,02% trị giá hàng trễ/ngày) nhưng không trễ quá 15 ngày kể từ ngày thỏa thuận giao hàng.

3. Trường hợp Bên bán giao hàng không đúng chủng loại, số lượng, chất lượng hàng hóa theo thỏa thuận thì Bên bán phải cung cấp bổ sung hàng hóa đạt chất lượng trong vòng 07 ngày kể từ ngày hai bên xác nhận hàng lỗi kỹ thuật hoặc/và không đủ số lượng. Đồng thời, Bên bán vẫn chịu phạt mức phạt theo lỗi chậm trễ như nêu trên nếu thời gian nhận hàng bổ sung quá thời gian thỏa thuận giao hàng ghi nhận tại đơn đặt hàng giữa hai bên.

2. Địa điểm giao hàng: tại kho của Bên mua (số 85 Lê Duẩn, phường Kiến An, Thành phố Hải Phòng).

3. Chi phí giao hàng Bên bán chịu. Chi phí bốc xếp mỗi bên chịu một đầu.

4. Biên bản giao nhận hàng được ký giữa hai Bên làm cơ sở thanh toán cho hợp đồng.

Điều 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Hình thức thanh toán: chuyển khoản bằng tiền Việt Nam đồng vào tài khoản Bên bán theo thông tin ghi nhận tại phần đầu Hợp đồng này.

2. Thời gian thanh toán:

a) Bên mua thanh toán cho Bên bán trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên mua nhận được đầy đủ chứng từ thanh toán.

b) Nếu Bên mua chậm thanh toán cho Bên bán theo thời hạn trên thì Bên bán có quyền yêu cầu Bên mua phải chịu lãi suất thanh toán chậm là 0,02%/ngày theo giá trị thanh toán chậm.

3. Chứng từ thanh toán:

a) Hóa đơn GTGT do Bên bán phát hành cho Bên mua.

b) Phiếu kiểm tra chất lượng hàng hóa đối với lô hàng.

c) Biên bản giao hàng.

Điều 4: TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

1. Trách nhiệm của Bên mua:

a) Tạo điều kiện mặt bằng cho Bên bán cho quá trình giao nhận hàng.

b) Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên bán.

c) Kiểm tra chất lượng và số lượng hàng hoá theo từng đợt giao hàng.

d) Những trách nhiệm khác theo quy định của Hợp đồng này và quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của Bên bán:

a) Giao hàng đúng chủng loại, số lượng, chất lượng và thời gian theo yêu cầu của Bên mua.

b) Cung cấp cho Bên mua chứng từ, hóa đơn giá trị gia tăng hợp pháp.

c) Những trách nhiệm khác theo quy định của Hợp đồng này và quy định của pháp luật.

Điều 5: VI PHẠM HỢP ĐỒNG

1. Bên bán: chỉ cung cấp loại nắp đã được hai Bên thống nhất mẫu. Đồng thời có trách nhiệm quản lý lô hàng đã sản xuất và không để thất thoát, tránh tình trạng làm giả sản phẩm của Bên mua. Sản xuất hàng phải đảm bảo chất lượng tiêu chuẩn.

2. Bên mua: kiểm tra hàng hóa và có trách nhiệm thông báo cho Bên bán trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận hàng hóa nếu hàng hóa có vấn đề. Nếu quá thời gian trên thì Bên mua không có quyền khiếu nại về hàng hóa.

3. Hai Bên cùng nhau thống nhất các điều khoản ghi trong hợp đồng này, nếu bên nào vi phạm, làm ảnh hưởng, gây thiệt hại cho bên kia thì phải chịu bồi thường toàn bộ tổng giá trị thiệt hại đó.

Điều 6: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

1. Hai Bên chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Nếu có vấn đề bất lợi phát sinh các Bên phải kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản để tìm biện pháp giải quyết trên tinh thần thương lượng và bình đẳng.

2. Những bất đồng không tự thương lượng được sẽ đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật. Phán quyết của Tòa án có giá trị pháp lý cuối cùng buộc hai Bên phải thực hiện. Chi phí tòa án do Bên thua chịu.

Điều 7: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 31/12/2026.

2. Sau khi hết thời hạn hiệu lực của Hợp đồng, nếu hai Bên không có khiếu nại về hàng hóa, tiền hàng thì Hợp đồng tự động được thanh lý.

3. Mọi sửa đổi hoặc bổ sung của Hợp đồng phải được làm bằng văn bản, được hai Bên ký, đóng dấu xác nhận và được coi là Phụ lục Hợp đồng. Các Phụ lục là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

4. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi Bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN MUA
GIÁM ĐỐC

Đoàn Thị Thu Huyền

Trần Văn Trung

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO
HỢP ĐỒNG PHÂN PHỐI
Số:/HDPP

Giữa
BÊN BÁN
CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

BÊN MUA
CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI -HẢI PHÒNG

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

HỢP ĐỒNG PHÂN PHỐI

- Căn cứ Luật Thương mại đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;

- Căn cứ vào Nghị định số 105/2017/NĐ-CP về việc sản xuất, kinh doanh rượu ngày 1 tháng 11 năm 2017;

- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên,

Hôm nay, ngày tháng năm, chúng tôi gồm:

BÊN BÁN: (gọi tắt là Bên A): CÔNG TY CỔ PHẦN RƯỢU VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Địa chỉ : 94 Lò Đúc, Phường Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại : 024.3 9713249 Fax: 024. 39766156
Mã số thuế : 0 1 0 0 1 0 2 2 4 5
Tài khoản : 1500.311.000007 tại Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam CN Hà Nội
19133999333010 tại Ngân hàng Techcombank-CN Thăng Long
Đại diện bởi : Ông **Trần Hậu Cường** Chức vụ: Giám đốc

BÊN MUA (gọi tắt là bên B): CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI -HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 16 Lạch Tray, Phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại: 0225.3847004 Fax:
Giấy CNĐKKD : 0200153370 Cấp ngày: 07/06/2023
Mã số thuế : 0200153370
Đại diện bởi : Ông **Trần Văn Trung** Chức vụ: Giám đốc

Sau khi bàn bạc, hai bên cùng nhau thoả thuận ký kết hợp đồng phân phối với các điều khoản sau:

ĐIỀU I. ĐỊNH NGHĨA:

Trong Hợp đồng này, các từ ngữ sau đây được định nghĩa như sau:

1.1 Sản phẩm của Bên A là “Hàng” hoặc “Hàng hóa”, “Sản phẩm” do Bên A cung cấp.

1.2 “Hàng” hoặc “Hàng hóa”, “Sản phẩm” do Bên A cung cấp là các sản phẩm được sản xuất bởi Công ty Cổ Phần Rượu và Nước Giải Khát Hà Nội mà các tiêu chuẩn chất lượng đã được công bố với các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước và đã được cấp giấy chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng.

1.3 “Địa bàn kinh doanh” là địa bàn mà Bên A chỉ định cho Bên B bán các sản phẩm của Bên A.

1.4 “Phân phối” là hình thức mà một pháp nhân thực hiện việc phân phối sản phẩm của Bên A tại địa bàn kinh doanh.

1.5 “Giá Bán” là giá các sản phẩm do Bên A bán cho Bên B và Bên A qui định giá tối thiểu cho Bên B bán theo từng thời điểm.

1.6 “Đơn Đặt Hàng” là thông báo của Bên B gửi đến Bên A theo thỏa thuận trong Hợp đồng này để yêu cầu Bên A bán và giao hàng.

1.7 “Điểm tiêu thụ” được hiểu là tất cả các điểm bán buôn, bán lẻ, nhà hàng, khách sạn hay bất

kỳ những điểm nào có thể tiêu thụ được mặt hàng do Bên A giao cho Bên B phân phối.

1.8 “Kho” là kho của Bên B chứa sản phẩm hàng hóa do Bên A cung cấp mà Bên B đã đăng ký.

ĐIỀU II. NỘI DUNG VÀ PHẠM VI HỢP ĐỒNG:

2.1 Bên A đồng ý cho Bên B làm Hợp đồng Phân Phối bao tiêu tất cả các sản phẩm của Bên A tại địa bàn: Hải Phòng

2.2 Chi tiêu doanh số tháng trong năm sẽ được Bên A thông báo cho Bên B bằng văn bản.

2.3 Đăng ký địa chỉ kho nhận hàng của Bên B: Số 16 Lạch Tray, Phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

ĐIỀU III. QUY CÁCH BAO BÌ, ĐÓNG GÓI, GIÁ CẢ, ĐẶT HÀNG, GIAO NHẬN, VẬN CHUYỂN.

3.1 Quy cách bao bì, đóng gói:

3.1.1 Rượu đóng trong chai thủy tinh có dung tích 700 ml, 500 ml, 300ml, ...

3.1.2 Rượu đóng Can Pet có dung tích 500 ml, 1000 ml, 2000 ml, 4000 ml

Các sản phẩm trên được xếp trong thùng carton, thuận tiện cho việc vận chuyển.

3.2 Giá bán sản phẩm: Giá bán do Bên A quy định và thông báo cho Bên B bằng văn bản tại từng thời điểm.

3.3 Đặt hàng:

3.3.1 Bên B đặt hàng theo từng đơn hàng. Trên đơn hàng phải ghi đầy đủ các thông tin về: chủng loại, số lượng theo mẫu. Mỗi đơn hàng phải có số lượng tối thiểu 200 thùng. Trong trường hợp địa điểm nhận hàng phải vào đường cấm thì Bên B có trách nhiệm nhận hàng tại địa điểm do Bên A thông báo trong phạm vi 10km so với địa điểm bên B đã đăng ký. Trường hợp đơn hàng của Bên B nhỏ hơn 200 thùng thì Bên B phải thông báo cho Bên A và phải được sự đồng ý của Bên A.

Đơn đặt hàng của Bên B phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền.

3.3.2 Bên B gửi đơn đặt hàng đến Bên A theo Địa chỉ giao dịch của Bên A bằng bản gốc hoặc bản fax hoặc bản scan. Bản Fax/scan được coi là hợp lệ khi có đầy đủ yếu tố như bản gốc của Đơn đặt hàng. Sau khi nhận được đơn đặt hàng, Bên A sẽ xác nhận việc tiền đã vào tài khoản, ra hóa đơn mua hàng và thông báo lại cho Bên B theo địa chỉ giao dịch.

3.4. Giao nhận:

3.4.1 Địa điểm giao hàng

3.4.1.1 Bên A sẽ giao hàng cho Bên B tại kho của Bên B đã đăng ký.

3.4.1.2 Khi thay đổi địa điểm nhận hàng, Bên B phải báo trước và phải được sự đồng ý của Bên A.

3.4.2 Thời hạn giao nhận:

3.4.2.1 Đối với các đơn hàng thông thường, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi Bên A nhận được đơn đặt hàng và tiền (Hoặc số tiền của đơn hàng vẫn còn trong hạn mức công nợ của bảo

lãnh Ngân hàng). Bên A sẽ có trách nhiệm thông báo thời gian giao hàng và Bên B có trách nhiệm tổ chức nhập hàng trong, ngoài giờ hành chính khi xe giao hàng tới kho.

3.4.2.2 Đối với những đơn hàng cuối tháng và cuối quý, hai bên cân đối, phối hợp giao nhận theo thỏa thuận.

3.4.3 Nghĩa vụ của hai Bên khi giao nhận hàng:

3.4.3.1 Bên A chỉ giao hàng cho Bên B khi người nhận hàng là người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền nhận hàng theo đúng thủ tục pháp luật.

3.4.3.2 Bên B có trách nhiệm kiểm tra chủng loại, số lượng hàng giao. Sau khi kiểm tra, hai Bên cùng ký phiếu giao nhận hàng hóa theo mẫu. Bên A không chịu trách nhiệm về sự thiếu hụt cũng như các sai sót về chủng loại hàng hóa khi Bên B đã nhận hàng và ký nhận vào phiếu giao nhận hàng hóa. Trường hợp phát hiện thiếu hàng hoặc hàng không đúng qui chuẩn, hai Bên lập Biên bản ngay tại chỗ và yêu cầu người đại diện của mỗi bên cùng ký xác nhận.

3.4.4 Chi phí bốc dỡ, thời hạn bốc dỡ:

- Chi phí vận chuyển giao hàng đến kho của Bên B do Bên A đảm nhận.
- Chi phí dỡ hàng và chuyển hàng vào kho của Bên B do Bên B đảm nhận.
- Thời gian bốc dỡ: Thời gian dỡ hàng của Bên B chậm nhất là 01 giờ (đối với các xe tải có trọng tải từ 5 tấn trở xuống) và chậm nhất là 02 giờ (đối với các xe tải có trọng tải từ 5 tấn trở lên). Nếu việc bốc dỡ hàng quá thời gian quy định mà không có lý do chính đáng thì Bên A có quyền tính thêm chi phí cho thời gian chờ Bên B bốc dỡ hàng. Mức tính chi phí sẽ được Bên A xem xét, quyết định cho từng trường hợp cụ thể.

ĐIỀU IV. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1 Hình thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản.

4.2 Thời hạn thanh toán: Thanh toán ngay khi mua hàng.

Căn cứ để xác nhận thanh toán là ngày ghi trên Phiếu thu tiền mặt do Bên A phát hành hoặc ngày ghi có trên tài khoản ngân hàng của Bên A.

4.3 Bên A không trả lãi cho Bên B trong thời gian viết hóa đơn và vận chuyển hàng đến kho bên B.

4.4 Trường hợp Bên B có giấy bảo lãnh thanh toán của Ngân Hàng được Bên A chấp nhận thì Bên B có trách nhiệm thanh toán tiền các hóa đơn được bảo lãnh trong vòng không quá 60 ngày kể từ ngày nhận hàng và thanh toán toàn bộ công nợ được bảo lãnh trước 05 ngày kể từ ngày giấy bảo lãnh ngân hàng hết hiệu lực.

ĐIỀU V. CÁC KHOẢN CHIẾT KHẤU THƯƠNG MẠI (CKTM) BÊN B ĐƯỢC HƯỞNG KHI MUA HÀNG:

5.1 Mức CKTM :

- + 2,5% trên doanh thu thực đạt trước thuế GTGT khi NPP mua hàng số lượng lớn từ 20 triệu đến dưới 50 triệu đồng trên 01 hóa đơn.
- + 3,5% trên doanh thu thực đạt trước thuế GTGT khi NPP mua hàng số lượng lớn từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng trên 01 hóa đơn.
- + 4,5% trên doanh thu thực đạt trước thuế GTGT khi NPP mua hàng số lượng lớn từ 100 triệu đồng trở lên trên 01 hóa đơn.

5.2 Sản phẩm áp dụng : Các sản phẩm rượu của Halico.

5.3 Thời gian áp dụng : Theo thông báo của Halico từng thời kỳ.

5.4 Điều kiện hưởng CKTM:

+/NPP không gửi kho tại Halico và NPP cam kết không bán phá giá, lấn vùng, lấn tuyến.

+/Doanh thu của NPP không được tính chỉ tiêu doanh số thực đạt trên kế hoạch và không được hưởng các khoản CKTM khác tại từng thời điểm.

- **Phương thức tính chiết khấu :** trừ trực tiếp trên hóa đơn của lần mua hàng đủ điều kiện.

5.5 Giá bán áp dụng: Giá bán trước thuế GTGT của Công ty CP Rượu và Nước giải khát Hà Nội áp dụng cho đối tượng khách hàng là Nhà phân phối.

ĐIỀU VI. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN:

6.1 Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

6.1.1 Bên A có quyền kiểm tra và giám sát việc thực hiện Hợp đồng và các Điều Bán hàng của Bên B vào bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn Hợp đồng.

6.1.2 Bên A có quyền yêu cầu Bên B cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin về khách hàng mà Bên B đang bán hàng hóa theo quy định của Hợp đồng này.

6.1.3 Trong thời hạn Hợp đồng, nếu Bên B không thực hiện được bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng hoặc 02 (hai) tháng liên tiếp không đáp ứng được doanh số theo như Thông báo của Bên A, Bên A có quyền chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn mà không phải bồi thường.

6.1.4 Chịu trách nhiệm pháp lý về hoạt động của mình cũng như tính hợp pháp của hàng hóa. Cung cấp đầy đủ thông tin của từng sản phẩm cho Bên B. Trả lời các khiếu nại của Bên B về chất lượng sản phẩm.

6.1.5 Kết hợp với Bên B xây dựng hệ thống phân phối, đào tạo nhân viên và cung cấp các vật dụng phục vụ hoạt động bán hàng theo kế hoạch của Bên A.

6.1.6 Bên A có quyền đưa ra danh sách các Ngân hàng đủ điều kiện phát hành bảo lãnh thanh toán cho Bên B mà không cần phải giải thích lý do và giấy bảo lãnh thanh toán phải đáp ứng các nội dung của Bên A yêu cầu.

6.1.7 Trong vòng 05 ngày trước ngày giấy bảo lãnh thanh toán của Bên B hết hiệu lực, Bên A có quyền gửi văn bản và chứng từ cần thiết tới Ngân hàng phát hành bảo lãnh thanh toán yêu cầu thanh toán công nợ tồn đọng mà không cần sự đồng ý của Bên B.

6.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

6.2.1 Yêu cầu Bên A chi trả các khoản hỗ trợ (nếu có) theo quy định của hợp đồng.

6.2.2 Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động kinh doanh các sản phẩm của Bên A.

6.2.3 Thanh toán tiền hàng cho Bên A theo quy định tại Điều 4 của Hợp đồng này.

6.2.4 Không được dùng thương hiệu hay các chính sách hỗ trợ của Bên A để kinh doanh các sản phẩm cạnh tranh trực tiếp với sản phẩm của Bên A.

6.2.5 Bảo quản hàng hóa của Bên A theo đúng yêu cầu của từng chủng loại Bên A ghi trên bao bì. Bên B không lưu kho sản phẩm của Bên A dưới ánh nắng mặt trời, khu vực kho có nước hoặc lưu kho sản phẩm cùng với các sản phẩm khác có mùi hương có thể gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, bao bì của Bên A. Nếu bảo quản không tốt để sản phẩm hư hỏng, Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và không được bán ra thị trường các sản phẩm bị hư hỏng đó.

6.2.6 Tuân thủ các Quy định phân chia địa bàn kinh doanh trong hệ thống phân phối của Bên A trên toàn quốc. Bên B không được tìm kiếm khách hàng, lập chi nhánh, hay có bất cứ điểm tiêu thụ sản phẩm nào ngoài phạm vi địa bàn kinh doanh do Bên A chỉ định.

6.2.7 Không mua sản phẩm của Bên A từ bất cứ nguồn cung cấp nào khác. Không kinh doanh, sản xuất các sản phẩm nhái, giả nhãn mác, kiểu dáng sản phẩm của Bên A cũng như các sản phẩm của các đối thủ cạnh tranh trực tiếp.

6.2.8 Có trách nhiệm tổ chức bán hàng theo kế hoạch và qui định của Bên A.

6.2.9 Giá Bên B xây dựng và bán cho điểm tiêu thụ không được cao hơn giá Bên A bán cho Bên B cộng thêm 7%.

6.2.10 Có trách nhiệm cung cấp thẻ kho, báo cáo kiểm kê (có xác nhận của Bên B và nhân viên Bên A), các chứng từ liên quan khác cho Bên A khi có yêu cầu.

6.2.11 Có trách nhiệm phát hiện và phối hợp với Bên A cùng với các cơ quan chức năng có thẩm quyền của Nhà nước trong việc đấu tranh chống sản xuất và buôn bán hàng giả, hàng nhái.

6.2.12 Bảo đảm lượng hàng tồn kho tối thiểu bằng 50% chỉ tiêu doanh số tháng để đáp ứng nhu cầu của thị trường.

6.2.13 Đảm bảo giao hàng cho các điểm bán trong vòng 24 giờ khi nhân viên của Bên A cung cấp đơn đặt hàng.

ĐIỀU VII. CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG:

7.1 Chấm dứt Hợp đồng đúng thời hạn: Khi Hợp đồng hết thời hạn hiệu lực.

7.2 Chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn:

Một trong hai bên có thể đơn phương chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau:

- Bên B vi phạm các điều khoản được quy định trong Hợp đồng này;
- Bên B bị Tòa án có thẩm quyền tuyên bố phá sản hoặc bị phát mại tài sản;
- Bên B bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy phép kinh doanh;
- Bên B làm giảm uy tín thương mại hoặc làm giảm chất lượng sản phẩm của Bên A bằng bất cứ phương thức và hành động nào;
- Bên B làm ảnh hưởng đến việc kinh doanh của Bên A trong địa bàn kinh doanh khác nằm ngoài địa bàn qui định tại Hợp đồng này;
- Trong thời hạn Hợp đồng, nếu 02 (hai) tháng liên tiếp Bên B không đáp ứng được chỉ tiêu về doanh số.
- Bên A không thanh toán các khoản hỗ trợ (nếu có) khi Bên B đã đáp ứng được các yêu cầu do Bên A quy định trong hợp đồng.

Những trường hợp chấm dứt hợp đồng nêu trên phải được thông báo trước cho nhau bằng văn bản. Thời hạn thông báo trước là 15 ngày làm việc.

ĐIỀU VIII. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

8.1 Bên B không được chuyển nhượng, chuyển giao, ủy thác hay giao Hợp đồng phụ cho bất kỳ bên thứ ba nào để thi hành bất cứ nghĩa vụ nào trong Hợp đồng này trừ khi được sự chấp thuận trước đó bằng văn bản của Bên A.

8.2 Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh bất lợi ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng thì hai bên cùng nhau thảo luận, hỗ trợ và thống nhất để thực hiện Hợp đồng. Trong trường hợp không giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải, hai bên thống nhất đưa sự việc ra Tòa án có thẩm quyền tại TP.Hà Nội giải quyết. Quyết định của tòa án là quyết định cuối cùng mà các bên phải thực hiện.

8.3 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày .../.../..... Mọi sửa đổi, bổ sung, thay đổi phải được lập thành văn bản với sự thống nhất của cả hai bên. Các phụ lục của hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này.

8.4 Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt và có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
Giám đốc

ĐẠI DIỆN BÊN B
Giám đốc

Trần Hậu Cường

Trần Văn Trung

